

356.109 597 7

ĐC

L 302 S

LỊCH SỬ
LIÊN TRUNG ĐOÀN
301 - 310
(1945 - 1950)



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Kính Biểu

LỊCH SỬ

LIÊN TRUNG ĐOÀN 301- 310

(1945 – 1950)

**BLL TRUYỀN THỐNG CỰU CHIẾN BINH
LIÊN TRUNG ĐOÀN 301-310**

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

LỊCH SỬ
LIÊN TRUNG ĐOÀN 301-310
(1945-1950)

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

20211.ĐC IV V

001715

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2007

Chỉ đạo nội dung:

- ĐẢNG ỦY - BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7
- TỈNH ỦY TỈNH BÌNH DƯƠNG
- TỈNH ỦY TỈNH BÌNH PHƯỚC
- TỈNH ỦY TỈNH ĐỒNG NAI

Tổ chức thực hiện:

**BAN LIÊN LẠC CỰU CHIẾN BINH
LIÊN TRUNG ĐOÀN 301-310**

Chủ biên:

Đại tá TS. HỒ SƠN ĐÀI

Biên soạn:

- ĐOÀN TẤN DŨNG (*Chương mở đầu*)
- HỒ THỊ NAM (*Chương một, A*)
- ThS. TRẦN QUANG TOẠI (*Chương một, B*)
- NGUYỄN THANH DANH (*Chương hai, A*)
- HUỲNH TẤN BỬU (*Chương hai, B*)
- Đại tá TRẦN PHẤN CHẤN (*Chương ba*)
- Đại tá TS. HỒ SƠN ĐÀI (*Kết luận*)
- Thượng tá NGUYỄN VĂN HÙNG (*Phụ lục*)

Thư ký đề tài:

NGUYỄN THỊ MINH TÂM

LỜI GIỚI THIỆU

Liên Trung đoàn 301-310, trước đó là Chi đội 1, Chi đội 10, Trung đoàn 301, Trung đoàn 310 là đơn vị vũ trang tập trung của Khu 7 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Hoạt động trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, thường xuyên trên địa bàn hai tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, được sự đùm bọc nuôi dưỡng của nhân dân địa phương, Liên Trung đoàn đã vừa xây dựng vừa chiến đấu, lập được nhiều thành tích xuất sắc, đặc biệt trên mặt trận đánh giao thông, chiến đấu chống càn bảo vệ căn cứ địa, xây dựng phong trào du kích chiến tranh. Hoạt động của Liên Trung đoàn đã góp phần xứng đáng cùng quân và dân Nam Bộ, quân và dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp xâm lược; làm nên những sự kiện lịch sử và địa danh huyền thoại như chiến thắng Bến Ông Khương, Đồng Xoài, La Ngà, Bến Cát, rồi chiến khu Bình Đa, chiến khu Thuận An Hòa, chiến khu Long Nguyên, chiến khu Đ...

*Thực hiện chỉ thị của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương về việc tổng kết biên soạn lịch sử các đơn vị vũ trang cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống xâm lược, trong nhiều năm qua, các cơ quan nghiệp vụ đã nỗ lực sưu tầm tư liệu biên soạn lịch sử các đơn vị vũ trang, kể cả những đơn vị nay không còn tổ chức phiên hiệu cũ. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Quân khu 7, Tỉnh ủy các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Ban liên lạc cựu chiến binh Liên Trung đoàn 301-310 đã phối hợp với Phòng Khoa học, công nghệ và môi trường Quân khu 7, Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước biên soạn cuốn “**Lịch sử Liên Trung đoàn 301-310 (1945-1950)**”.*

Tái hiện lại một cách hệ thống và tương đối đầy đủ quá trình xây dựng, chiến đấu và công tác của Liên Trung đoàn 301-310, cuốn sách nhằm tôn vinh công lao to lớn của toàn thể cán bộ, chiến sĩ Liên Trung đoàn cùng vai trò đặc biệt quan trọng của nhân dân miền Đông Nam Bộ, trực tiếp là nhân dân hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa cũ trong giai đoạn lịch sử hết sức khó khăn từ năm 1945 đến 1950.

Mặc dù Ban biên soạn đã hết sức cố gắng, nhưng do tư liệu (cả tư liệu gốc và tư liệu trí nhớ) còn lại không nhiều, cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi điểm này điểm khác cần phải bổ sung chỉnh sửa thêm. Mặc dù vậy, đây là một công trình khoa học được thực hiện công phu, nghiêm túc, phục vụ tốt cho

công tác nghiên cứu giáo dục lịch sử truyền thống và cung cấp nhiều bài học kinh nghiệm quý cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay!

*Với ý nghĩa ấy, tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách “**Lịch sử Liên Trung đoàn 301-310 (1945-1950)**” cùng toàn thể bạn đọc.*

Thành phố Hồ Chí Minh, 9-2007

Thiếu tướng Nguyễn Thành Cung
Ủy viên Trung ương Đảng,
Chính ủy Quân khu 7

Chương mở đầu

CHIẾN TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN TRUNG ĐOÀN 301 - 310

Liên Trung đoàn 301-310, trước đó là Chi đội 1, Chi đội 10, rồi Trung đoàn 301, Trung đoàn 310 hoạt động chiến đấu và công tác trên khắp chiến trường miền Đông Nam Bộ, nhưng chủ yếu ở địa bàn tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Dầu Một.

Biên Hòa – Thủ Dầu Một là hai tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ. Miền Đông Nam Bộ là cụm danh từ chỉ vùng đất phía Đông của Nam Bộ, ở vào vị trí chuyển tiếp giữa cao nguyên miền Nam với đồng bằng sông Cửu Long, lưng dựa vào dải Trường Sơn và vùng rừng núi Nam Đông Dương, mặt hướng xuống đồng bằng và biển Đông. Miền Đông Nam Bộ gồm có Sài Gòn – Chợ Lớn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh (theo sự phân chia địa lý hành chính năm 1945).

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), miền Đông Nam Bộ là chiến trường trọng điểm của Nam Bộ, được tổ chức thành hai khu: Khu 7 và

Khu Sài Gòn - Chợ Lớn; từ năm 1951 gồm Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và Phân liên khu miền Đông.

1. Tỉnh Biên Hòa

Tỉnh Biên Hòa ở vào vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Địa danh này đã nhiều lần thay đổi trong tiến trình lịch sử với các tên gọi: Trấn Biên (1698), Trấn Biên Hòa (1808), tỉnh Biên Hòa (1832). Sách Gia Định thành thông chí, tập Trung ghi “Năm 1698, Linh lược xứ Đàng Trong Nguyễn Hữu Cảnh lấy đất Nông Nại làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt một chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để cai trị”.

Tỉnh Biên Hoà có lịch sử hình thành trên 300 năm¹. Đến sau cách mạng tháng Tám 1945, địa bàn tỉnh Biên Hoà rất rộng lớn với diện tích trên 11.000 ki-lô-mét vuông bao gồm toàn bộ tỉnh Đồng Nai hiện nay, toàn bộ tỉnh Bình Phước, huyện Tân Uyên, Dĩ An tỉnh Bình Dương, quận Thủ Đức- Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh), tiếp giáp các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Bà Rịa (nay là tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu), Lâm Đồng, thành phố Sài Gòn; dân số trên 200.000 người bao gồm nhiều dân tộc: Kinh, Hoa, Ch'ro,

¹ Tính từ năm 1698 khi Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và kinh lược xứ Đàng Trong, lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long và Tân Bình.

Mạ, S'tiêng..., trong đó người dân tộc Ch'ro, Mạ, S'tiêng là những cư dân bản địa. Xã Bình Trước, quận Châu Thành (sau là thị xã Biên Hoà) là trung tâm của tỉnh Biên Hoà.

Tỉnh Biên Hoà có địa hình bán trung du, diện tích rừng chiếm đến 2/3 (kể cả rừng cao su), với các con sông lớn là sông Đồng Nai, La Ngà, Sông Bé, Lòng Tàu, cùng với hệ thống chi lưu, sông suối chằng chịt. Rừng Biên Hoà là loại rừng nguyên sinh kín, thường ẩm, cây hỗn giao nhiều tầng, đa dạng về chủng loại với nhiều loại gỗ quý như cẩm lai, gõ, bằng lăng, sao, dầu...; động vật rừng phong phú với các loại thú lớn như voi, tê giác, cọp, báo, nai, heo rừng, khỉ...và hàng chục loài bò sát, chim muông khác. Ngoài rừng vùng cao còn khu rừng cận biển ngập mặn là rừng Sác (khu vực Long Thành, Nhơn Trạch giáp với tỉnh Bà Rịa, Cần Giờ của Sài Gòn. Núi cao ở Biên Hoà có núi Bà Rá, Chứa Chan, xen lẫn với những vùng đồi đồng bằng. Đất Biên Hoà đa dạng với các loại đất phù sa, đất đen, đất đỏ (bazan) rất phù hợp với việc phát triển các loại cây lương thực và cây công nghiệp.

Tỉnh Biên Hoà có hệ thống đường giao thông khá phát triển: quốc lộ I nối liền Nam - Bắc; quốc lộ 15¹ Sài Gòn - Biên Hoà - Bà Rịa, Vùng Tàu; quốc lộ 20 Biên Hoà đi Đà Lạt; quốc lộ 13 Sài Gòn - Bình Dương; quốc lộ 14 Bình Phước đi các tỉnh Tây Nguyên; các liên tỉnh lộ

¹ Quốc lộ 15 trước đây từ ngã ba vườn Mít chạy ra Tam Hiệp, thẳng ra cổng 11 Long Bình hiện nay. nay quốc lộ quốc lộ 51.

số 8, 16, 24, liên tỉnh lộ số 2... Ngoài ra Biên Hoà còn có trên 100 km đường sắt Nam - Bắc, đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh. Sông Đồng Nai thuận lợi cho việc lưu thông về miền Tây Nam Bộ, ra biển Đông...

Với một vị trí chiến lược quan trọng như vậy, khi tái chiếm Biên Hoà (25-10-1945), thực dân Pháp đã xây dựng nhiều căn cứ quân sự, cơ quan đầu não chỉ huy ở Biên Hoà như sân bay, Nha hình cảnh miền Đông, bộ chỉ huy trung đoàn 22 thuộc địa, kho bom đạn Thành Tuy Hạ...

*

* *

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa, xây dựng các cơ sở hạ tầng để bóc lột tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực dồi dào và rẻ tiền ở Việt Nam. Ở Biên Hoà thực dân Pháp xây dựng nhà máy BIF (từ 1897, đến 1912 đưa vào hoạt động¹), Đề-pô xe lửa Dĩ An, mở đường sá, đồng thời xây dựng các công ty trồng khai thác mủ cao su². Chính sách khai thác cao su của thực dân Pháp đã hình thành nên những “địa ngục trần gian”, đó là những đồn điền cao su, nơi mà bọn chủ người Pháp, bọn tay sai cai, xu có quyền sinh sát đối với người phu Việt Nam. Chính sách khai thác thuộc địa của tư bản thực dân đã thúc đẩy

¹ Đây là nhà máy chế biến ván sản xuất khẩu. Nhà máy xây dựng một tuyến đường sắt từ Tân Mai lên Trảng Bom, Cây Góa để khai thác vận chuyển gỗ.

² Như các công ty Đất Đỏ, Michelin, Đồng Nai, Xuân Lộc...

quá trình hình thành đội ngũ giai cấp công nhân ở Biên Hoà (bao gồm công nhân công nghiệp và công nhân cao su).

Nhân dân Biên Hoà có truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng. Ngay khi thực dân Pháp xâm lược lần thứ I (tháng 12-1861), nhân dân Biên Hoà đã bất hợp tác với giặc. Sách Đại Nam thực lục chính biên (tập XXVI) viết: *“Dân cư ba huyện Nghĩa An, Bình An, Long Thành gần chỗ giặc Pháp đóng, bỏ trốn đến 74 thôn”*¹. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến, các lãnh tụ nghĩa quân đã thành công trong việc tập hợp các dân tộc tham gia. Thực dân Pháp thú nhận: *“Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở ven biên giới Biên Hoà – Bà Rịa; trước đó những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến. Việc tham gia của những bộ lạc này chứng tỏ cuộc khởi nghĩa ở Biên Hoà đã có một trợ lực quan trọng”*².

Tuy triều đình nhà Nguyễn hèn yếu đầu hàng, nhân dân các dân tộc ở tỉnh Biên Hoà đã không ngừng đứng lên kháng chiến, hình thành những căn cứ đánh Pháp như Bàu Cá, Giao Loan của nghĩa quân Trương Định; phong trào Thiên địa hội, Đoàn Văn Cự (1905), Trại Lâm Trung (1914-1916). Những năm đầu thế kỷ 20, phong trào công nhân cao su từ đấu tranh tự phát đã từng bước phát triển lên tự giác khi có các tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội, rồi Đông Dương

¹ Sách đã dẫn. Nxb Khoa học xã hội. H.1974, tr.238.

² Poyen: *Notice sur l'artillerie de la marine en indochine*. P 88. P 1893.

Cộng sản Đảng. Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Cam Tiêm (Ông Quế), Phú Riềng đã liên tục diễn ra từ năm 1926 đến 1930. Đặc biệt cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân cao su Phú Riềng ngày 3 tháng 2 năm 1930 do chi bộ Đảng tại chỗ lãnh đạo gây tiếng vang lớn trong và ngoài nước, cổ vũ rất lớn phong trào đấu tranh trong cả nước.

Từ hạt giống đỏ Phú Riềng, các chi bộ Cộng sản hình thành cả ở khu vực các đồn điền, nông thôn, đô thị, trong đó có chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều (huyện Vĩnh Cửu) thành lập tháng 2 năm 1935. Tháng 2 năm 1937, Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Biên Hoà được thành lập¹, lãnh đạo phát triển phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Tháng 7 năm 1940, Tỉnh uỷ lâm thời Biên Hoà đã xây dựng đội du kích (35 người) do đồng chí Trần Văn Quỳ làm đội trưởng tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Do tình hình chung cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích chuyển vào rừng Tân Uyên hoạt động bí mật và bảo toàn lực lượng đến khi cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Biên Hoà cũng là nơi diễn ra sự kiện ngày 27 tháng 3 năm 1941, đồng bào dân tộc Ch'ro, S'tiêng ở Tài Lài đã giúp các đồng chí Trần Văn Giàu, Tô Ký, Dương Quang Đông, Tạ Ty ...vượt ngục Tài Lài, tạo điều kiện xây dựng lại Xứ uỷ Nam Bộ, khôi phục phong trào, lãnh đạo thành công cuộc cách mạng tháng Tám 1945 ở Sài Gòn và Nam Bộ.

¹ Do đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang) làm Bí thư.

Đội ngũ giai cấp công nhân cùng với nông dân tỉnh Biên Hoà là lực lượng nòng cốt làm nên cách mạng tháng Tám năm 1945 ở địa phương; đồng thời cũng là lực lượng chủ lực cùng với nòng cốt là đội du kích trong Nam Kỳ khởi nghĩa xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tinh thần yêu nước, đấu tranh, sớm giác ngộ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của nhân dân tỉnh Biên Hoà chính là đặc điểm quan trọng và động lực thôi thúc nhân dân Biên Hoà gia nhập các lực lượng kháng chiến, trong đó, lực lượng vũ trang làm nòng cốt để thực hiện cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

2. Tỉnh Thủ Dầu Một

Thủ Dầu Một là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, trải dài từ nam Tây Nguyên đến thành phố Sài Gòn, gồm cả phần đất thuộc tỉnh Bình Dương và một phần tỉnh Bình Phước ngày nay.

Dưới triều Nguyễn, Thủ Dầu Một là vùng đất thuộc tỉnh Biên Hòa. Đến giữa thế kỷ thứ XIX, sau khi thực dân Pháp đánh chiếm và đặt nền cai trị tại sáu tỉnh Nam Kỳ thì vùng đất này được đặt thành tiểu khu Thủ Dầu Một thuộc khu vực Sài Gòn¹. Đến năm 1899, sau

¹ Sau khi đánh chiếm Nam Kỳ, Duy-pơ-rê (Dupré), đô đốc, tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ra nghị định chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát-Xắc. Mỗi khu vực hành chính lại chia thành nhiều tiểu khu. Khu vực Sài Gòn chia làm 5 tiểu khu: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa và Gia Định.

khi toàn quyền Đông Dương ra nghị định đổi các tiểu khu thành tỉnh thì Thủ Dầu Một là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ.

Về sau, trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, vùng đất này nhiều lần bị chia cắt và sáp nhập theo yêu cầu cai trị của bọn thực dân đế quốc. Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, do yêu cầu của sự phát triển, ngày 2 tháng 7 năm 1976, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định sáp nhập các tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và các xã An Bình, Bình An, Đông Hòa (thuộc huyện Thủ Đức) thành tỉnh Sông Bé. Ngày 6 tháng 11 năm 1996, theo Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chia tỉnh Sông Bé thành hai tỉnh: Bình Dương, Bình Phước¹.

Đất Thủ Dầu Một ngày xưa, nay là Bình Dương, Bình Phước đã từng là địa bàn sinh tụ của con người từ thuở xa xưa. Điều này được minh chứng qua các di chỉ khảo cổ mà các nhà khoa học đã khai quật được.

Về hình thể tự nhiên, Thủ Dầu Một phân chia làm

¹ Tỉnh Bình Dương có diện tích tự nhiên là 2.683,47 ki-lô-mét vuông, toàn tỉnh có 1 thị xã, 6 huyện, 66 xã, 5 phường, 8 thị trấn. Dân số của tỉnh 810,2 ngàn người (năm 2002). Trung tâm tỉnh Bình Dương đặt tại thị xã Thủ Dầu Một.

Tỉnh Bình Phước có diện tích tự nhiên 6.831,72 ki-lô-mét vuông, toàn tỉnh có 1 thị xã, 7 huyện, 94 xã, phường, thị trấn. Dân số của tỉnh trên 800 ngàn người, có 41 thành phần dân tộc sinh sống. Trung tâm tỉnh lỵ Bình Phước đặt tại thị xã Đồng Xoài.

hai vùng lớn: 1- Vùng đất đỏ Ba-zan, đất đỏ trên đá phiến, đất xám và đất dốc trên địa bàn đồi núi. Vùng đất này chiếm khoảng 55 vạn héc-ta, nằm ở phía bắc và đông bắc của tỉnh. 2- Vùng đất xám, đất vàng nâu, đất dốc tụ rải rác, đất phù sa và đất phèn trên địa hình đồi thấp lượn sóng và đồng bằng, chiếm khoảng 40 vạn héc-ta nằm ở phía nam và tây nam của tỉnh.

Với vùng đất màu mỡ cùng với khí hậu nhiệt đới đã tạo điều kiện cho rừng phát triển. Ở đây có những khu rừng liên khoảnh, bạt ngàn, trải dài từ bắc đến nam tỉnh. Vào những năm đầu thế kỷ XX, diện tích rừng của Thủ Dầu Một chiếm gần 40 phần trăm diện tích toàn tỉnh, trong đó có những khu rừng già, những khu rừng nguyên sinh. Với địa thế hiểm trở, trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, núi rừng Thủ Dầu Một là nơi xây dựng những căn cứ địa cách mạng, những chiến khu lớn nổi tiếng như chiến khu Đ, chiến khu Bù Gia Mập, chiến khu Long Nguyên, chiến khu An Thành, chiến khu Thuận An Hòa...

Rừng ở Thủ Dầu Một không chỉ có vị trí quan trọng về mặt quân sự trong kháng chiến mà còn có vị trí quan trọng về mặt kinh tế. Nó đã cung cấp cho các chiến sĩ cách mạng nhiều dược liệu quý dùng làm thuốc trị bệnh, nhiều loại dây, củ, rau rừng... thay cho lương thực trong những năm gian khổ ác liệt nhất.

Là tỉnh trung du, trên địa bàn Thủ Dầu Một có ba ngọn núi là: núi Bà Rá (ở thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long; nơi đây vào những năm 40 của thế kỷ



trước, thực dân Pháp đã lập một nhà tù để giam cầm những chiến sĩ cộng sản và quần chúng yêu nước); núi Châu Thới (ở huyện Thuận An) và núi Cạn (ở Dầu Tiếng, Bến Cát). Ngoài ba ngọn núi đã nêu, Thủ Dầu Một còn có nhiều ngọn đồi nhấp nhô gợn sóng, cao thấp khác nhau tạo thành một cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp.

Thủ Dầu Một có hai trục đường giao thông chiến lược quan trọng là quốc lộ 13 và quốc lộ 14 chạy dài từ bắc chí nam. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên hai quốc lộ này đã diễn ra những trận đánh đẫm máu, gây cho địch nhiều thiệt hại, lính Pháp gọi quốc lộ 13 là “con đường không vui”, còn đế quốc Mỹ thì gọi là “con đường máu và nước mắt”. Bên cạnh các con đường chiến lược đó, trên địa bàn tỉnh còn có đường liên tỉnh 1A (đi Biên Hòa), đường liên tỉnh 14 (đi Tây Ninh) và các tỉnh lộ 13, 14, 15, 16, 7, 8... nối liền với các huyện.

Thủ Dầu Một có 3 con sông chính chảy qua: sông Sài Gòn, sông Bé và sông Đồng Nai (phần hạ lưu). Sông Sài Gòn và phần hạ lưu sông Đồng Nai vừa là tuyến giao thông thủy, vừa là nguồn nước tưới cho đồng ruộng, vừa là ranh giới tự nhiên của tỉnh. Sông Sài Gòn bắt nguồn từ vùng Nam Tây Nguyên, dòng sông trải dài gần 240 ki-lô-mét của tỉnh, có nhiều phụ lưu... trên dòng sông này còn ghi nhiều chiến công của quân giải phóng đã nhấn chìm nhiều tàu giặc trong hai cuộc kháng chiến.

Sông Bé là sông chảy bên trong lãnh thổ của tỉnh. Nó là phụ lưu của sông Đồng Nai, bắt nguồn từ vùng

rừng núi của tỉnh Lâm Đồng, dài gần 200 ki-lô-mét, chảy quanh co qua nhiều địa hình khác nhau. Sau này, có một thời kỳ ông cha ta đã dùng tên Sông Bé để đặt tên cho tỉnh. Vào mùa khô, ở thượng lưu có chỗ mực nước hạ thấp xuống còn một mét có thể đi bộ qua được. Ở vùng hạ lưu dòng sông chảy lững lờ, ghe xuồng có thể đi lại được ở những chặng ngắn chừng vài cây số, nhưng chìn chung sông Bé không thuận cho việc giao thông đường thủy. Đây là nhược điểm của sông Bé nhưng cũng nhờ vậy mà trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, con sông này trở thành chiến hào thiên nhiên góp phần chặn bớt mức tàn quét đánh phá của giặc bằng đường thủy và đường bộ vào các căn cứ của cách mạng.

*

* *

Nhân dân các dân tộc Thủ Dầu Một có truyền thống yêu nước, đoàn kết một lòng chống giặc ngoại xâm.

Ngày 31 tháng 7 năm 1861, 1.500 nghĩa quân từ căn cứ trong rừng đã tiến về Đồng Ván thuộc làng Tân Ba, đánh bọn lính Pháp đang làm cầu và kho ở An Thành, nghĩa quân làm chủ nhiều ngày và kiểm soát cả đường bộ và đường sông ở đây.

Tháng 10 năm 1861, quân dân Bình An ba lần bao vây tiến công đồn Phú Cường, An Thạnh, Hưng Định gây nhiều thiệt hại cho giặc. Ngày 23 tháng 11 năm 1861, quân Pháp và tay sai đánh vào vùng Bình Chuẩn, Tân Khánh nơi nghĩa quân trú đóng đã bị nghĩa quân

đánh trả quyết liệt. Ngày 15 tháng 12 năm 1861, 1000 nghĩa quân phối hợp với 500 quân triều đình tấn công lần thứ hai vào thủ phủ Bình An. Năm 1870, khi nghĩa quân của Trương Quyền và nhà sư Pô Cum Pô từ Tây Ninh tấn công vào các đồn nhỏ của Pháp ở ven sông Thị Tính (nay thuộc huyện Bến Cát), Bình An và Tân Uyên, nhân dân nhiều làng ở đây đã hưởng ứng mạnh mẽ. Đồng bào đã ủng hộ lương thực, quà bánh, heo gà và dẫn đường cho nghĩa quân.

Từ năm 1912 trở đi, Nơ Trang Long lãnh đạo các dân tộc ở Tây Nguyên và Đông Nam Kỳ đứng lên chống Pháp. Dưới sự lãnh đạo của Nơ Trang Long, từ năm 1912-1914 là thời kỳ oanh liệt và hào hùng của các cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói chung cũng như đồng bào ở Lộc Ninh, Hớn Quản của Thủ Dầu Một - Bình Dương - Bình Phước nói riêng. Cũng trên mảnh đất mà nhân dân có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất ấy, vào những năm 20 của thế kỷ XX, nhiều hạt giống Cộng sản đã phát triển, làm mọc lên phong trào cách mạng trước khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời.

Tháng 10 năm 1929, chi bộ đồn điền Phú Riềng được thành lập. Đây là một trong 19 chi bộ Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội ở Nam Kỳ lúc bấy giờ. Ngày 20 tháng 10 năm 1929, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội đã tổ chức cuộc bãi công lớn với 2.000 người tham gia đã nổ ra ở Phú Riềng.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930 (mùng 5 Tết), 5.000 công nhân thực hiện tổng bãi công đòi yêu sách, lúc đầu địch khủng bố nhưng trước sức mạnh của lực lượng công nhân, bọn chủ sở phải hạ bút “cam kết” thực hiện những yêu sách của công nhân. Có thể nói trên mảnh đất Thủ Dầu Một có sự lãnh đạo của Đảng sớm hơn một vài nơi khác ở Nam Bộ. Nhờ vậy mà nhân dân sớm giác ngộ cách mạng, sớm đi theo Đảng đấu tranh giành độc lập tự do. Ngay những năm 1932–1935 – thời kỳ thoái trào của cách mạng cả nước, ở Thủ Dầu Một phong trào vẫn đứng vững và phát triển. Nhất là sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ngày 23 tháng 11 năm 1940, nhiều nơi cán bộ bị địch bắt bớ, tra tấn, khủng bố ác liệt, riêng Thủ Dầu Một là nơi tạm lánh của một số cán bộ, đảng viên từ nơi khác chuyển đến và được sự đùm bọc, che chở của nhân dân ở địa phương, nhờ đó mà cách mạng đã hạn chế sự tổn thất để các thời kỳ sau lại phát triển mạnh mẽ hơn.

Cùng với truyền thống đó mà nhiều lớp thanh niên đã hăng hái tham gia vào tổ chức Thanh niên Tiền phong và các lực lượng vũ trang của tỉnh, tiến hành cùng cả nước khởi nghĩa cướp chính quyền từ tay Nhật và hỗ trợ cho Sài Gòn giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

*

* *

Biên Hòa, Thủ Dầu Một là hai tỉnh ở vào vị trí trung tâm của miền Đông Nam Bộ, áp sát thành phố

Sài Gòn, trấn giữ nhiều tuyến đường giao thông thủy bộ quan trọng, có địa thế thuận lợi cho hoạt động xây dựng căn cứ địa và tác chiến quân sự với qui mô lớn. Nhân dân có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, tổ chức Đảng Cộng sản sớm ra đời, phong trào nông dân, công nhân công nghiệp, công nhân cao su diễn ra mạnh mẽ và liên tục. Đây là những yếu tố tự nhiên và nhân văn tác động tích cực đến quá trình hình thành, xây dựng, chiến đấu và công tác của Chi đội 1, Chi đội 10, Trung đoàn 301, Trung đoàn 310 và Liên Trung đoàn 301 – 310.

Chương một

CHI ĐỘI 1 VÀ CHI ĐỘI 10 (11-1945 - 3-1948)

A. CHI ĐỘI 1 TỈNH THỦ DẦU MỘT (11-1945 - 3-1948)

I. CÁC TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA CHI ĐỘI 1

1. Những đội tự vệ đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng Thủ Dầu Một (1930-1939)

Ngay khi mới thành lập, với đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, Đảng đã phát động cuộc đấu tranh cách mạng trong công nhân và nông dân mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh. Trong cao trào cách mạng sôi nổi đó, các đội tự vệ công nông, mầm mống của các lực lượng vũ trang cách mạng đã ra đời.

Nối tiếp phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, ở Nam Kỳ, ngày 3 tháng 2 năm 1930, công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đã nổ phát pháo đầu tiên về sự xuất hiện lực lượng quần chúng vũ trang và hình thức bạo lực vũ trang. Lần đầu tiên đội xích vệ xuất hiện, có nữ chiến sĩ với dao, búa xông lên cướp súng đuổi đánh địch chạy tán loạn;

xu cai đầu hàng, chủ Tây run sợ nhận tại chỗ mọi yêu sách của công nhân. Phú Riềng đã tạo ra tiền đề ở Nam Kỳ về sự hình thành lực lượng quần chúng vũ trang do Đảng lãnh đạo.

Bên cạnh sự xuất hiện của đội xích vệ công nhân còn có sự ra đời những đội tự vệ nông dân để chống đàn áp, cứu viện khi có người bị thương trong các cuộc biểu tình đấu tranh hoặc biểu dương lực lượng.

Cùng với phong trào đấu tranh ở Phú Riềng, công nhân và nhân dân lao động Thủ Dầu Một cũng liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống lại chế độ hà khắc của thực dân Pháp và tay sai như: lãn công, mít tinh, biểu tình ở các xã Thuận Giao, Tân Khánh, Bình Nhâm... Đặc biệt công nhân Đê-pô xe lửa Dĩ An, nông dân Thị trấn Uyên Hưng (quận Tân Uyên) tuy không có sự chỉ đạo của đảng viên cộng sản nhưng vẫn tổ chức các đội tự vệ bí mật rải truyền đơn, treo cờ Đảng ở các chợ trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, trong đó có “Kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười” do Trung ương phát động.

Trong thời gian này, thực dân Pháp thi hành chính sách khủng bố trắng vô cùng tàn bạo. Nhiều cơ sở Đảng bị vỡ, nhiều đảng viên, quần chúng bị tàn sát. Trước tình hình đó ngày 3 tháng 1 năm 1931, Ban thường vụ Trung ương Đảng đã kịp thời ra thông cáo cho các Xứ ủy vạch rõ: “Phải dựa vào sức mạnh của quần chúng mà chống khủng bố; đồng thời phải đẩy mạnh việc phát triển các đội tự vệ công nông để bảo vệ cho quần chúng đấu tranh. Thông cáo viết: “... Khi có đấu tranh thì đội

tự vệ phải đi đầu, đi kèm quần chúng mà bảo vệ, còn lúc thường thì phải tập luyện riêng, phải bàn định những cách hộ vệ mà bênh vực tranh đấu”.

Ở Thủ Dầu Một, những đợt sóng đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng, Đề pô xe lửa Dĩ An, của đồng bào ở các làng Bình Nhâm, An Sơn, An Thạnh, Tân Thới, Hưng Định, Thuận Giao (Thuận An) với nhiều hình thức quyết liệt trong những năm 1931-1932, đã thu hút được đông đảo nhân dân tập hợp dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đấu tranh chống khủng bố trắng, chống cái cách trù dập của địch, đòi quyền lợi dân sinh dân chủ, tạo thành một “đội quân chính trị quần chúng” hùng mạnh làm cơ sở cho một giai đoạn cách mạng mới.

Cuối năm 1932 các cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân, nông dân Thủ Dầu Một dưới sự lãnh đạo của Đảng đã hình thành các nhóm tự vệ, làm nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho các cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su, công nhân lò chén, công nhân lò đường cùng những cuộc nổi dậy của nông dân và đồng bào dân tộc.

Trong quá trình bảo vệ và chiến đấu, lực lượng tự vệ thường đối mặt với bọn chủ sở cấu kết với mật thám và tay sai, xử lý linh hoạt và mềm dẻo, lúc tấn công quyết liệt để đạt được thắng lợi như: Đội tự vệ của đồn điền cao su Dầu Tiếng bất chấp sự đàn áp dã man của địch, kiên cường bảo vệ hơn 2.000 công nhân đấu tranh ròng rã 15 ngày đòi chủ đồn điền thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ trong công nhân vào cuối tháng 12

năm 1932. Địch nổ súng đàn áp cuộc đấu tranh làm chết 23 người và bắt đi 21 người, nhưng đội tự vệ vẫn không chùn bước, quyết tâm bảo vệ đoàn biểu tình đến thắng lợi.

Trong những năm 1933, 1934, lực lượng tự vệ thị xã Thủ Dầu Một đã bảo vệ các cuộc rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, mít tinh thành công mà bọn mật thám không truy tìm hay khám phá được những người tổ chức.

Tháng 3 năm 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng đã ra Nghị quyết về đội tự vệ. Nghị quyết đề ra những nguyên tắc xây dựng đội tự vệ: *về mặt chính trị, đội tự vệ là một tổ chức nửa quân sự của quần chúng nhân dân lao động, chủ yếu là công - nông do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo; thành phần gồm những đảng viên, đoàn viên và những người lao động nhiệt tình, cương quyết, không phân biệt gái trai, dân tộc, từ 18 tuổi trở lên, được giác ngộ về nhiệm vụ chính trị.*

Đội tự vệ phải liên hệ mật thiết với quần chúng, phải chăm lo tranh đấu, ủng hộ và bảo vệ các cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân. Về quân sự đội tự vệ được huấn luyện cách sử dụng các loại vũ khí, chiến thuật du kích, chiến thuật đánh trong thành phố...

Nghị quyết đội tự vệ là cơ sở lý luận đầu tiên cho công tác xây dựng và chiến đấu của các tổ, đội chiến đấu và công tác thành lập lực lượng vũ trang sau này.

Những năm 1936-1939, Đảng bộ Nam Kỳ đã lãnh đạo các cuộc vận động dân chủ chống phản động thuộc địa, tay sai, chống phát xít và chiến tranh xâm lược đòi

tự do cơm áo hòa bình. Do tính chất, yêu cầu đấu tranh của thời kỳ này, nên các hình thức biểu tình có vũ trang như thời cao trào 1930-1931 ít xảy ra. Tuy vậy, nhiều hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh thích hợp, sáng tạo nảy sinh từ thực tiễn như: hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền, vận động quần chúng hoặc kết hợp những hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp với những hoạt động bí mật để phát triển tổ chức Đảng và tổ chức Mặt trận dân chủ, đã đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, động viên, thu hút được đông đảo nhân dân tập hợp dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, hoạt động khá sôi nổi, tạo thành một “đội quân chính trị quần chúng” hùng mạnh.

Những diễn biến của các cuộc đấu tranh chính trị trong những năm 1936-1939 ở Thủ Dầu Một thực sự là ngày hội cách mạng của quần chúng trong tỉnh, làm tiền đề cho cao trào Cách mạng giải phóng dân tộc trong những năm tiếp theo.

Có thể nói, trong những năm 1936-1939, tuy chưa hình thành lực lượng vũ trang chính thức để đánh trả lại các cuộc bắt bớ, đàn áp của địch. Song trong tiềm thức của mỗi người dân đều nhen nhóm tư tưởng bạo động để chống lại sự đàn áp của kẻ thù. Trong những ngày đầu cách mạng, tuy các hình thức đấu tranh còn hạn chế, nhưng các hoạt động hỗ trợ đấu tranh của các tổ “tự vệ” đã hình thành những mầm mống của lực lượng vũ trang.

2. Lực lượng vũ trang Thủ Dầu Một ra đời trong tổng khởi nghĩa năm 1945

Mùa thu năm 1939, sau khi đế quốc Pháp tham gia vào cuộc chiến tranh thế giới thứ II và phát xít hóa bộ máy cai trị ở Đông Dương, tình hình có nhiều thay đổi. Trong nước, Chính phủ phản động Pháp thi hành chính sách phát xít, giải tán Đảng Cộng sản và các tổ chức dân chủ tiến bộ ở chính quốc cũng như các nước thuộc địa.

Ở Đông Dương, thực dân Pháp ban bố lệnh tổng động viên, ra sức bắt người, cướp của tại chỗ để cung cấp cho chiến tranh đế quốc của chúng; đồng thời ra tay đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo.

Hai tháng sau khi chiến tranh bùng nổ, hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương 3 ngày (6, 7, 8) tháng 11 năm 1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định). Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ đánh đổ đế quốc Pháp lên hàng đầu, chống tất cả thế lực xâm lược, bất luận da trắng hay vàng để “tranh đấu giải phóng dân tộc”. Với mục tiêu đó, “Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương” ra đời.

Riêng về phương pháp đấu tranh, Hội nghị trên đã đề ra “*dự bị những điều kiện bước tới bạo động, làm cách mạng giải phóng dân tộc, song phải hết sức tránh những cuộc tranh đấu non, tranh đấu không phương pháp, không chuẩn bị...*”.

Tháng 3 năm 1940, đồng chí Võ Văn Tần - Ủy viên Trung ương Đảng kiêm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ và

các xứ ủy viên khác phổ biến Nghị quyết đến các Tỉnh ủy và Thành ủy. Lúc này, địch khủng bố rất ác liệt, nhiều đồng chí ủy viên Trung ương và Xứ ủy đã bị bắt, nhưng các tổ chức cơ sở Đảng, các Tỉnh ủy và Thành ủy vẫn tồn tại, trong đó có Tỉnh ủy Thủ Dầu Một.

Trên địa bàn Thủ Dầu Một, cũng như các tỉnh khác, sách báo và truyền đơn của Đảng vẫn bí mật lưu hành và phổ biến trong quần chúng, các đội tuyên truyền vẫn thâm nhập vào quần chúng giải thích tinh thần Nghị quyết VI của Trung ương. Nhiều nơi phong trào chống bắt lính diễn ra sôi nổi và rộng khắp trong các làng xã ở nông thôn, đặc biệt là trong các đồn điền cao su cùng với những đợt tuyên truyền cổ động binh lính chống chiến tranh và ủng hộ cách mạng.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật xâm lược Đông Dương, nhân dân Việt Nam bị hai kẻ thù Nhật - Pháp cùng thống trị. Lòng căm thù giặc sâu sắc và khí thế cách mạng của quần chúng đã thúc đẩy Đảng bộ miền Nam chủ trương khởi nghĩa. Trước ngày 3 tháng 11 Xứ ủy Nam Kỳ đã triệu tập nhiều cuộc họp bàn về khởi nghĩa.

Tại Hội nghị Xứ ủy mở rộng các Tỉnh ủy, Thành ủy tại xã Tân Hiệp, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho từ ngày 21 đến 27 tháng 9 năm 1940, có 24 đại biểu của 19/21 tỉnh thành tới dự. Hội nghị đã ra Nghị quyết chuẩn bị khởi nghĩa toàn Xứ, Hội nghị đã thông qua kế hoạch khởi nghĩa và thành lập Ban khởi nghĩa của Xứ ủy và Ban quân sự các Đảng các tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, tỉnh Thủ Dầu Một thành lập Ban khởi nghĩa tỉnh, triển khai tổ chức các đội vũ trang, rèn đúc, mua sắm vũ khí, luyện tập võ nghệ và quân sự, đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch...Trưởng ban chỉ đạo khởi nghĩa của Tỉnh Thủ Dầu Một do đồng chí Hồ Văn Cống, Bí thư tỉnh uỷ phụ trách. Đồng chí Cao Thị Linh, đảng viên làng An Thạnh được giao nhiệm vụ liên lạc giữa Ban khởi nghĩa tỉnh với Liên Tỉnh uỷ miền Đông và các chi bộ Đảng... Toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đều nêu cao quyết tâm thực hiện những nhiệm vụ được phân công trên địa bàn các làng, thành lập các đội tự vệ vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ cơ sở, làm công tác binh vận.

Trong khi Xứ ủy Nam Kỳ đang ráo riết chuẩn bị tiến tới phát động khởi nghĩa thì Hội nghị lần thứ VII Trung ương Đảng (từ ngày 6 đến 9-11-1940) quyết định tạm hoãn. Đáng tiếc là lệnh tạm hoãn không đến được Xứ ủy Nam Kỳ một cách kịp thời. Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 11 năm 1940, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra trên 18 tỉnh thành trong tổng số 21 tỉnh Nam kỳ.

Khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị cho các Đảng bộ địa phương là: *“Nơi nào có thể phát động du kích chiến tranh thì biến đội tự vệ thành đội du kích để tùy thời cơ đánh úp các trại, cướp khí giới, tiêu diệt bọn phản gián, tịch thu tài sản của chúng... Những nơi nào gần các đường giao thông vận tải quan trọng hay các kho tàng trọng yếu của đế quốc (như các đường xe lửa, đường*

nhựa, các kho súng đạn...) thì các Đảng bộ địa phương đó phải tổ chức ngay đội biệt động gồm những phần tử hăng hái, can đảm nhất trong đội tự vệ để thi hành những việc như sau: phá đường sắt, cầu cống, ngăn cản quân thù, dùng cho lính bắn quân cách mạng, cắt đường điện, cướp xe cộ chở lương thực, khí giới của đế quốc"¹.

Sau khi nhận được lệnh khởi nghĩa của Xứ uỷ, Ban chỉ đạo khởi nghĩa của Tỉnh uỷ Thủ Dầu Một khẩn trương chấp hành theo phương án đã định: lấy quận Lái Thiêu làm trọng điểm, chọn làng Thuận Giao làm điểm mở đầu phát động cho các làng khác nối tiếp trong cuộc khởi nghĩa này. Từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 11 năm 1940, khởi nghĩa đã nổ ra ở các quận trong tỉnh như Lái Thiêu, Tân Uyên, Bến Cát. Tại Lái Thiêu, các tổ tự vệ vũ trang đã bảo vệ thành công cuộc mít tinh với hàng trăm người tham gia ở làng Thuận Giao. Chi bộ An Sơn còn tổ chức cho một bộ phận đồng bào trong làng kéo qua làng Bình Lý cùng nhân dân đi khởi nghĩa ở quận Hóc Môn. Ở làng Tân Khánh, ban đêm đội tự vệ đi lùng bắt bọn tề ác ôn. Ban ngày, hàng trăm nông dân trồng thuốc lá kéo đến trụ sở Ban hội tề đòi giảm thuế. Tại Kiến Điền (An Điền) Bến Cát, nhóm thanh niên cảm tử do anh Nguyễn Tấn Bộ tổ chức bí mật phá đứt đường dây thép (điện thoại) dọc lộ 14 từ thị trấn Bến Cát đến Bến Súc. Ở đồn điền cau su Dầu Tiếng, chi bộ đảng vận động công nhân bãi công 3 ngày liền. Nông dân làng

¹ Thông báo khẩn cấp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, *Văn kiện quân sự Đảng 1930-1945* – Nxb QĐND H.1976. tr. 100.

Định Thành cử đại diện đến gặp Ban hội tế đòi giảm thuế, chống bắt lính, chống đàn áp. Ở Tân Uyên, Ban khởi nghĩa đã thành lập nhiều tổ chức như: Hội phản đế nông dân, thanh niên và đội vũ trang khoảng 35 người, được trang bị một số súng trường, súng ngắn, giáo mác, gậy tầm vông do đồng chí Huỳnh Liễn và đồng chí Trần Văn Quý chỉ huy. Lực lượng trên đã tích cực hỗ trợ, bảo vệ cho các làng, thị trấn của Tân Uyên nổi dậy khởi nghĩa suốt từ ngày 23 tháng 11 đến ngày 24 tháng 11 năm 1940 góp phần làm lung lay chính quyền địa phương lúc bấy giờ.

Như vậy, Tỉnh uỷ Thủ Dầu Một đã lãnh đạo Đảng bộ, nhân dân 3 quận Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát nổi dậy suốt 8 ngày đêm từ 23 đến ngày 30 tháng 11 năm 1941, còn lại hai quận Hớn Quản, Bù Đốp chưa có điều kiện thực hiện.

Cuộc khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra không đúng thời cơ và bị thất bại. Thực dân Pháp đã huy động tất cả lực lượng quân sự và toàn bộ bộ máy cai trị vào việc đàn áp. Xứ uỷ và nhiều Đảng bộ địa phương bị địch bắt đến người cuối cùng. Ở Thủ Dầu Một, Tỉnh trưởng Vôn (Volf) đã thẳng tay bắn giết những người cộng sản và yêu nước ở các làng, đồn điền cao su có tham gia khởi nghĩa. Các xã ở Tân Uyên, Lái Thiêu, Thành Sơn Đá (Thủ Dầu Một) là nơi có cuộc khởi nghĩa nổ ra do đó bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội. Số người bị giết, bị thương và bị bắt khoảng 50 người. Ở Tân Uyên, chúng tàn sát 11 người ở cầu Ông Hựu làng Tân Hòa và bắt 30 người

khắc đày đi Côn Đảo. Ở các làng An Sơn, Bình Nhâm (Lái Thiêu), Tương Bình Hiệp (Châu Thành) rất nhiều đảng viên bị bắt và bị đày đi Côn Đảo. Trong đợt này, đồng chí Hồ Văn Cống - Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một cũng bị bắt và đưa về giam ở Sài Gòn. Sau Tết Nguyên đán 1941, đồng chí bị kết án làm chính trị, bị đi đày và hy sinh tại nhà tù Côn Đảo. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ "là tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương".

Với cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, cùng với Đảng bộ và nhân dân Nam Kỳ, nhân dân Thủ Dầu Một dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm một cuộc diễn tập lớn về khởi nghĩa vũ trang. Tuy không thành công, nhưng cuộc khởi nghĩa đã để lại những bài học quý giá về tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta. Đặc biệt là sự ra đời của các đội tự vệ vũ trang có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển các lực lượng vũ trang sau này.

*

* *

Bước sang năm 1941, phong trào cách mạng ở Nam Kỳ cũng như ở trong nước gặp khó khăn thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5 năm 1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, tại rừng Khuổi Nậm ở vùng Pắc Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941. Hội nghị đã phát triển, và hoàn chỉnh các nghị quyết của Hội nghị lần thứ 6 và Hội nghị lần thứ 7

của Trung ương về vấn đề giải phóng dân tộc. Hội nghị xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc. Hội nghị khẳng định *“chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng ta và nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay”*. Hội nghị đề ra những chủ trương và chính sách cụ thể nhằm tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, trong đó quan trọng nhất là việc thành lập Mặt trận Việt Minh bao gồm các Hội cứu quốc của các tầng lớp nhân dân và áp dụng sách lược hết sức mềm dẻo để phân hóa cao độ kẻ thù, tranh thủ mọi lực lượng với mục tiêu giải phóng dân tộc. Hội nghị còn nhận định khi thời cơ đến, *“với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành thắng lợi mà mở đường cho một cuộc Tổng khởi nghĩa to lớn”*.

Từ sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (5-1941), mặc dù địch khủng bố ác liệt, nhưng từ giữa năm 1942 trở đi, cán bộ, đảng viên tỉnh Thủ Dầu Một trước đây đã lần tránh đi nơi khác, nay lần lượt trở về địa bàn cũ và bắt lên lạc với nhau. Từ đó, lập ra nhiều nhóm đảng viên ở các làng An Sơn, An Thạnh, Thuận Giao, Tân Khánh, Phú Cường trong đó có Chi bộ Bình Nhâm do đồng chí Lâm Văn Sáng làm bí thư. Khi đó, ở phía bắc tỉnh Thủ Dầu Một cũng hình thành các nhóm đảng viên ở Sở cao su Lộc Ninh, Hớn Quản, chi bộ đồn điền Dầu Tiếng. Các nhóm đảng viên trên đã bắt liên lạc với nhau để tổ chức lại Tỉnh ủy, phục hồi cơ sở quần chúng cách mạng, chuẩn bị khởi nghĩa khi thời cơ đến.

Sau một thời gian xây dựng, ngày 23 tháng 3 năm 1943, Hội nghị tái lập Tỉnh ủy Thủ Dầu Một tại làng 1 sở cao su Dầu Tiếng. Bí thư Tỉnh ủy là đồng chí Văn Công Khai. Các ủy viên gồm có Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trung. Trong các nhiệm vụ đề ra nhằm đưa cách mạng Thủ Dầu Một tiến tới Tổng khởi nghĩa, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng Đảng và cơ sở quần chúng cách mạng đặt lên hàng đầu. Trong đó Nghị quyết 8 (tháng 4-1943) của Trung ương đối với Tỉnh ủy Lâm thời, qua sự truyền đạt của Xứ ủy Nam Kỳ và Thành ủy Sài Gòn là Nghị quyết chỉ đạo chiến lược, cách tổ chức Mặt trận Việt Minh, các đội cứu quốc, đội du kích và khẩn trương chuẩn bị các điều kiện tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương xây dựng các đội vũ trang để hỗ trợ cho phong trào cách mạng tại địa phương. Đây là chủ trương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng làm cơ sở cho quá trình xây dựng lực lượng vũ trang sau này.

Sự kiện Tỉnh ủy Lâm thời ra đời và chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang đã đưa cách mạng tỉnh Thủ Dầu Một bước sang một thời kỳ mới.

Ngay sau đó, Tỉnh ủy phân công các đồng chí phụ trách từng vùng, nhằm phổ biến tinh thần Nghị quyết Tỉnh ủy và trực tiếp chỉ đạo các mặt công tác của Đảng tại cơ sở. Chỉ sau một thời gian tuyên truyền, vận động, các phong trào yêu nước của nhân dân Thủ Dầu Một đã phát triển từ vùng nông thôn đến các đồn điền cao su, nhà máy. Trong các hoạt động đó, các đội tự vệ cũng

được thành lập để bảo vệ cho các cuộc đấu tranh của quần chúng. Đặc biệt là hoạt động của chi bộ vũ trang Mỹ Lộc (Tân Uyên) do đồng chí Trần Văn Quý phụ trách, bám rừng hoạt động suốt 4 năm (1941-1944) được nhân dân nuôi dưỡng, che chở hoạt động ngày càng hiệu quả. Chính lực lượng này cùng với một số tự vệ ở các nơi khác trong tỉnh là nguồn lực cán bộ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945. Lúc này, ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, Hớn Quản và một số địa phương khác như Tân Uyên, Lái Thiêu, Châu Thành cũng lần lượt tổ chức các đội tự vệ vũ trang để bảo vệ nhân dân trong các cuộc đấu tranh chính trị chống lại chính sách đàn áp của thực dân Pháp.

Ở Thủ Dầu Một, cuối năm 1944, Hội truyền bá Quốc ngữ ra đời tại Phú Cường. Về sau phong trào lan rộng trong toàn tỉnh, sau đó lần lượt các huyện Bến Cát, Lái Thiêu, Tân Uyên và các làng nông thôn cũng thành lập Hội truyền bá quốc ngữ thu hút hàng ngàn quần chúng tham gia.

Hoạt động của Hội truyền bá Quốc ngữ ở Thủ Dầu Một ngay từ đầu đã xác định mục đích là giải quyết nạn mù chữ, đồng bào nghèo đều biết đọc, biết viết, biết tiếng Việt, mở rộng dân trí...nâng cao tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm và kêu gọi đồng bào tham gia công tác cứu quốc chuẩn bị khởi nghĩa. Kết quả của phong trào truyền bá Quốc ngữ ở Thủ Dầu Một còn là bài học kinh nghiệm thành công về công tác vận động trí thức của Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một.



Giữa lúc phong trào yêu nước của nhân dân Thủ Dầu Một cũng như nhiều nơi khác đang phát triển mạnh, thì tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến quan trọng. Trên thế giới, quân đội Xô viết đã giành thắng lợi quyết định bằng hàng loạt đòn phản công chiến lược, đưa chiến tranh đến cửa ngõ sào huyệt phát xít Đức. Ở mặt trận châu Á và Thái Bình Dương, số phận của phát xít Nhật cũng đang lung lay tận gốc. Ở trong nước, tháng 8 năm 1944, Tổng bộ Việt Minh kêu gọi và phát động phong trào “sấm sủa vũ khí, đuổi thù chung”, xây dựng lực lượng vũ trang; đồng thời đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở nông thôn và thành thị lên cao. Trên phạm vi cả nước, không khí cách mạng sôi sục khắp nơi.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, cuộc xung đột vũ trang giữa Nhật và Pháp đã nổ ra, 10 vạn lính Nhật ở Đông Dương đã bất ngờ tấn công vào bộ máy chính quyền Pháp. Chưa đầy 2 giờ, phần lớn lực lượng vũ trang của Pháp đã bị tiêu diệt hoặc bị bắt làm tù binh. Ở Thủ Dầu Một chỉ có 200 lính tại thành Săng Đá do tên quan tư Pháp chỉ huy, nổ súng lẻ tẻ, chống cự yếu ớt. Sau đó tất cả người Pháp ở Thủ Dầu Một đều bị bắt tập trung về Sài Gòn. Nhật thay quân Pháp đưa quân chiếm đóng hầu hết các vị trí quân sự quan trọng như thành Săng Đá, Dinh tỉnh trưởng và các vị trí quân sự khác.

Sau khi Nhật đảo chính, ngày 12 tháng 3 năm

1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị lịch sử “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, khẩu hiệu hành động của Đảng ta là “*đánh đuổi Phát xít Nhật và tay sai, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân*”; đồng thời phát động cao trào cứu nước chuẩn bị cho việc Tổng khởi nghĩa.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã họp và ra chủ trương chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1945, Tỉnh ủy chỉ đạo chuyển phong trào lập nhóm Cứu quốc lên Hội Cứu quốc trong nông dân, công nhân, phụ nữ, thanh niên. Một cao trào cách mạng mới diễn ra sôi nổi khắp nơi trong tỉnh, hàng loạt tổ chức đoàn thể Cứu quốc ra đời ở thị xã Thủ Dầu Một, Tân Uyên, Dĩ An. Cùng với Hội cứu quốc người Kinh, lại có Hội người Việt Nam mới ra đời ở Hớn Quản, Bù Đốp. Đây là đơn vị tự vệ bán vũ trang, chuẩn bị cho khởi nghĩa ở phía bắc của tỉnh, do đồng chí Lê Đức Anh thành lập.

Cùng với phong trào lập Hội cứu quốc còn có phong trào nhân dân sắm sửa vũ khí với nhiều biện pháp đem lại kết quả tốt.

Tháng 5 năm 1945, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thực hiện chủ trương của Xứ ủy về việc thành lập Thanh niên Tiên phong, cử đồng chí Nguyễn Văn Đối trước đây phụ trách Thanh Niên cứu quốc nay kiêm nhiệm Thanh niên Tiên phong. Sau ngày lễ ra mắt tại Sài Gòn, Thanh niên Tiên phong ở Thủ Dầu Một được thành lập ở các quận, huyện trong tỉnh và hoạt động theo hệ thống tổ

chức Thanh niên toàn Xứ và theo hướng dẫn của cán bộ Việt Minh cơ sở.

Ban quản trị Thanh niên Tiền phong Thủ Dầu Một do nhà giáo Trịnh Kim Ảnh làm thủ lĩnh. Hoạt động của Thanh niên Tiền phong lúc bấy giờ rất phong phú như: diễn thuyết chính trị, biểu diễn văn nghệ, học tập quân sự... đã thu hút mạnh mẽ tầng lớp trẻ tham gia hoạt động. Ngay sau đó, lực lượng Thanh niên Tiền phong ở các thị trấn và làng xã ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, Phước Hòa, công nhân Đê-pô xe lửa Dĩ An đều thành lập các đội tự vệ nhằm chuẩn bị lực lượng cho cuộc Tổng khởi nghĩa sắp đến gần. Chính họ cũng là tiền thân của lực lượng vũ trang nhân dân Thủ Dầu Một, là những chiến sĩ đầu tiên trong hàng điệp trùng của những chiến sĩ Chi đội 1 sau này nối tiếp nhau chiến đấu giải phóng quê hương.

Đến đầu tháng 7 năm 1945, ở Thủ Dầu Một, khí thế cách mạng đã phát triển rất sôi nổi. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh và Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể Cứu quốc ở các huyện, thị, lực lượng Thanh niên Tiền phong và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Gần giữa tháng 8 năm 1945 là thời điểm cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2 tiến dần đến thời kết thúc với thất bại hoàn toàn của trục phát xít.

Trong khí thế cách mạng đang dâng lên chưa từng thấy, việc chớp thời cơ phát động khởi nghĩa trở thành ý chí, quyết tâm của Đảng và cả dân tộc ta. Từ ngày 13

đến ngày 16 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Thái Nguyên), phiên họp cuối cùng để quyết định những chủ trương lớn trong đối nội, đối ngoại của cách mạng Việt Nam. Thì trưa ngày 15 tháng 8 năm 1945 Nhật đầu hàng Đồng minh. Ngày 16 tháng 8 năm 1945 Đại hội Quốc dân Tân Trào tán thành quyết định chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngay trong ngày 16 tháng 8, Người gửi thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa cho Quốc dân Việt Nam. Bức thư nhấn mạnh *“Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc, đồng bào hãy đứng dậy đem sức mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ”*. Lệnh tổng khởi nghĩa đã phát. Lời hiệu triệu của lãnh tụ dân tộc đã gửi quốc dân. Toàn dân tộc nhất tề đứng dậy. Bão táp cách mạng cuộn cuộn dâng cao.

Từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 8 năm 1945, ta giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Long An càng làm cho cao trào cách mạng ở Thủ Dầu Một tiếp tục phát triển mạnh hơn và đẩy kẻ thù vào thế cô lập. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên, và cán bộ Cứu quốc đẩy mạnh công tác binh vận trong cảnh sát và cộng hòa vệ binh để lôi kéo binh sĩ làm theo lời kêu gọi của Việt Minh ủng hộ nhân dân giành chính quyền.

Tỉnh ủy còn đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động toàn dân khởi nghĩa. Đêm 23 tháng 8 năm 1945, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức tại Bưng Cầu

thuộc làng Tương Bình Hiệp, do đồng chí Văn Công Khai, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Tham dự hội nghị có các đồng chí Tỉnh ủy viên như Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trung và bí thư chi bộ các quận Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát... Hội nghị quán triệt Nghị quyết của Xứ ủy về Tổng khởi nghĩa toàn Nam Kỳ. Hội nghị Tỉnh ủy kêu gọi cán bộ, đảng viên, các đoàn thể Cứu quốc, đơn vị tự vệ, đồng bào đoàn kết, nhất trí giành chính quyền trong ngày 25 tháng 8 năm 1945.

Ngày 24 tháng 8 năm 1945, tự vệ vũ trang Thanh niên Tiền phong, Thanh niên Cứu quốc cùng với các lực lượng quần chúng tự vệ vũ trang bằng những vũ khí thô sơ, dưới sự lãnh đạo của Ủy ban khởi nghĩa địa phương đã khởi nghĩa giành thắng lợi ở Dầu Tiếng, Bến Cát, Lộc Ninh, Lái Thiêu. Sau khi giành chính quyền thắng lợi ở các quận trong tỉnh, đêm 24 tháng 8, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, lực lượng cách mạng ở các làng, các quận rầm rập kéo về thị xã, đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh cùng các đội tự vệ Bến Cát, Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Lái Thiêu, Thị xã và đội Việt Nam mới của đồng bào dân tộc có tất cả thấy mấy trăm cán bộ, chiến sĩ trang bị vũ khí thô sơ chiếm lĩnh các vị trí xung yếu trong thị xã hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy. Nhân dân tiến vào các trại lính, các trụ sở làm việc Tòa thị chính, Kho Bạc, Sở Bưu Điện... buộc bọn lính Nhật phải đầu hàng, nộp vũ khí.

Sáng ngày 25 tháng 8 năm 1945, ba vạn đồng bào từ các xã, thị trấn, đồn điền cao su hợp với hai vạn

nhân dân thị xã biểu tình khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại toà thị chính tỉnh (Trước nhà làm việc của Ủy ban nhân dân Phú Cường), chứng kiến việc xoá bỏ chính quyền phát xít Nhật và tay sai, dựng lên một chính quyền mới - chính quyền cách mạng của nhân dân. Như vậy, trong ngày 25 tháng 8 năm 1945, nhân dân Thủ Dầu Một đã giành chính quyền thắng lợi cùng ngày với thành phố Sài Gòn và 15 tỉnh bạn ở Nam Kỳ.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, lực lượng vũ trang cũng được thành lập hỗ trợ cho chính quyền nhân dân. Đây là thắng lợi đầu tiên trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân địa phương do Đảng lãnh đạo, là kết quả của quá trình đấu tranh gian khổ, anh dũng, bất khuất của nhân dân ta. Được Đảng giáo dục, rèn luyện, được nhân dân che chở, đùm bọc. Trong quá trình chiến đấu, lực lượng vũ trang đã không ngừng lớn mạnh, hoàn thành xuất mọi nhiệm vụ.

Ra đời trong điều kiện phân tán nhỏ, lẻ, lực lượng non yếu, lại trong khoảng thời gian ngắn, nhưng các tổ chức vũ trang đầu tiên của Thủ Dầu Một đã đi từ không đến có và làm vai trò tiên phong trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ trên quê hương.

II. CHI ĐỘI GIẢI PHÓNG QUÂN THỦ DẦU MỘT RA ĐỜI CHIẾN ĐẤU VÀ CÔNG TÁC (25-11-1945 – 3-1948)

1. Quá trình hình thành Chi đội 1 - Giải phóng quân Thủ Dầu Một

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời mở ra cho dân tộc ta một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Trong những ngày đầu xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, tình hình cả nước cũng như trong tỉnh đứng trước những khó khăn lớn. Để đối phó với thù trong, giặc ngoài, giữ vững chính quyền cách mạng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng và chủ trương vũ trang toàn dân, xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh.

Ở Thủ Dầu Một, trong thời kỳ đầu bộn bề khó khăn cùng với việc xây dựng chính quyền còn quá mới mẻ, thiếu cán bộ và kinh nghiệm nhưng đã bắt tay ngay vào nhiệm vụ củng cố bộ máy hành chính các cấp, từng bước ổn định đời sống nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang để giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được.

Sau khi cướp chính quyền lực lượng vũ trang của Thủ Dầu Một gồm có:

- Ở tỉnh, đơn vị xung kích cách mạng sau này gọi là bộ đội giải phóng của tỉnh do đồng chí Nguyễn Văn Thi – Ủy viên Tỉnh ủy chỉ huy.

- Ở Lộc Ninh, Hớn Quản có “Bộ đội Áo nâu” và “Bộ đội Việt Nam mới” do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy.

- Ở Bến Cát có đơn vị cựu chiến binh, sau gọi là “Bộ đội Quang Trung” do đồng chí Nguyễn Văn Ngo (Bảy Quỳ) chỉ huy.

- Ở Quận Châu Thành có đơn vị vũ trang của Thanh niên Tiền phong, công chức Thủ Dầu Một do Kiều Đắc Thắng chỉ huy.

Bên cạnh lực lượng vũ trang trên còn có một số đơn vị vũ trang khác như:

- Lực lượng “Bộ đội cảnh sát” theo Việt Minh trước và sau Cách mạng tháng Tám ở Thủ Dầu Một do ông Huỳnh Kim Trương (Cò Trương) và ông Nguyễn Văn Sáng phụ trách.

- Bộ đội Bảo an binh còn có tên là “Cộng hoà vệ binh” theo Việt Minh trước và sau Cách mạng tháng Tám do ông Nguyễn Sơn Xuyên (Ánh Theo) và ông Bùi Khánh Ngươn phụ trách.

- Ở Phú Cường: có lực lượng Nghĩa đồng quân theo Việt Minh do ông Triệu chỉ huy; lực lượng công chức của ông Quách Văn Trĩ (Võ Sĩ) và lực lượng công nhân lò chén của ông Đoàn Văn Đức.

- Quận Châu Thành có lực lượng Thanh niên Tiền phong các xã Phú Hoà, Định Hoà, Chánh Hiệp, và một số người “Lục lâm Quân” của Tám Liễu do Đoàn Hữu Hoà chỉ huy.

- “Đội du kích Thái Nguyên” gồm công nhân xe lửa Dĩ An, thợ may, thợ giặt ủi hoạt động ở khu vực Dĩ An - Thủ Đức.

Ngoài ra, còn có một số binh lính Nhật, Pháp đầu hàng theo lời kêu gọi của Việt Minh đã đứng vào hàng ngũ những người kháng chiến, trở thành những chuyên gia huấn luyện cho lực lượng vũ trang cách mạng.

Vũ trang bị hầu hết là vũ khí thô sơ như: gậy gộc, dao mác, tầm vông vạt nhọn và một số vũ khí, đạn dược cướp được của Pháp - Nhật như: súng trường, súng máy... Đến 23 tháng 9 năm 1945, lực lượng vũ trang trên toàn tỉnh đã tự trang bị được trên 300 súng các loại, trong đó có 8 trung liên.

Cùng với lực lượng vũ trang tỉnh, ở huyện sau khi giành chính quyền, mỗi huyện cũng có một tiểu đội bảo vệ cơ quan chính quyền cơ sở và bảo vệ trật tự trị an, chống bọn phản động trên địa bàn huyện. Lực lượng này với nhiều tên gọi khác nhau ở từng địa phương như: bộ đội Bến Cát, bộ đội Bắc Hải, bộ đội Cao su, bộ đội Thiếu số...

Ở cấp xã, chính quyền các địa phương đã tổ chức các đội tự vệ vũ trang (sau gọi là đội du kích) trên cơ sở lực lượng Thanh niên Tiền phong trước Cách mạng tháng Tám như Bình Nhâm, An Thạnh, Tân Khánh, Thuận Giao, Chánh Phú Hoà, Phú Cường và Đề-pô xe lửa Dĩ An... Ngoài ra các xã chưa có chi bộ cũng tổ chức được các tổ tự vệ do thu lĩnh Thanh niên Tiền phong chỉ huy. Ở các đồn điền cao su cũng thành lập đội Thanh niên công nhân vũ trang, làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền ở cơ sở, tuần tra canh gác, giữ gìn trật tự trị an ở mỗi làng, xã.

Nhiệm vụ chủ yếu của lực lượng vũ trang lúc này là bảo vệ an toàn cho bộ máy chính quyền các cấp; tiến hành thu gom súng đạn, trang thiết bị quân sự để tự trang bị, đồng thời tiến hành phá các kho lương thực, thực phẩm của Pháp, Nhật chia cho dân nghèo.

Ra đời trong bão táp cách mạng, mặc dù thiếu kinh nghiệm chiến đấu, trang thiết bị thô sơ, thiếu thống nhất về tổ chức và chỉ huy, nhưng lực lượng vũ trang Thủ Dầu Một thật sự là lực lượng quan trọng trong việc bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chính quyền nhân dân trong những ngày đầu giành chính quyền; Đây là lực lượng tiên thân để xây dựng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và lực lượng Chi đội 1 Giải phóng quân tỉnh Thủ Dầu Một sau này.

*

* *

Trong lúc nhân dân ta đang tập trung xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ mới thì đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp núp sau lưng quân Anh - Ấn trắng trợn gây hấn ở Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Cũng chính sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ tổ chức Hội nghị liên tịch khẩn cấp tại Cây Mai - Chợ Lớn, phát động nhân dân đứng lên kháng chiến chống Pháp, đồng thời ra lời kêu gọi toàn dân kháng chiến:

"... Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp và tiêu diệt tay sai của chúng."

Hỡi anh chị em dân quân tự vệ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước."

Các tầng lớp nhân dân từ thành thị đến nông thôn trên toàn tỉnh Thủ Dầu Một sôi sục khí thế sẵn sàng chiến đấu. Một lần nữa thanh niên, học sinh, công nhân, nông dân Thủ Dầu Một rầm rập xuống đường. Những chiếc gậy tầm vông vạt nhọn, giáo mác, những câu ca tuyên truyền cho kháng chiến đã đi vào lịch sử như một biểu tượng về tinh thần quyết tử trong những ngày đầu tiên của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương chỉ viện cho mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn để góp phần ngăn chặn sự lấn chiếm của giặc, chuẩn bị sẵn sàng đánh địch tại chỗ.

Lực lượng tham gia chiến đấu ở Mặt trận số 1 (còn gọi là mặt trận Tiền tuyến Sài Gòn - Chợ Lớn hay Mặt trận phía đông) gồm các đơn vị tự vệ phía bắc và một bộ phận công nhân của các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Phước Hoà tham gia chặn đánh từng bước tấn công, phá vòng vây của giặc. Tại Mặt trận số 2, "Đội quân áo nâu", "Bộ phận tên nã" từ các đồn điền Lộc Ninh, Hớn Quản do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy tiến về Sài Gòn, giúp kìm chân địch để các nơi khác ở Nam Bộ có thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến.

Cùng với hoạt động đánh địch tại Mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn, công tác chuẩn bị đánh địch ngay trên

địa phương cũng được xúc tiến mạnh mẽ. Tất cả các quận huyện Châu Thành, Bến Cát, Tân Uyên... lực lượng tự vệ cơ sở và bộ đội địa phương tích cực luyện tập quân sự, chuẩn bị vũ khí, phương án sẵn sàng phục kích chiến đấu ngăn chặn địch lấn chiếm. Các đơn vị Cộng hòa vệ binh, Quốc gia tự vệ Cuộc cùng các tổ tự vệ địa phương dùng bàn ghế, giường tủ, cây cối, gạch, đá... làm chướng ngại vật nhằm ngăn cản bước tiến của quân đội Pháp. Các lực lượng chiến đấu được phân công bám vùng ven thị xã tiếp tục diệt tề trừ gian.

Nhân dân được lệnh thực hiện kế hoạch “vườn không, nhà trống” và thực hiện khẩu hiệu bốn không: *“không hợp tác với Pháp; không đi lính cho Pháp; không chỉ đường cho Pháp; không mua bán với Pháp”*. Thị xã Thủ Dầu Một vắng lặng, chợ búa không họp, trường học, chùa chiền đóng cửa, không khí im ắng.

Ngày 23 tháng 10 năm 1945, binh đoàn kỵ binh thiết giáp do đại tá Massu chỉ huy đến Nam Bộ. Với lực lượng hùng hậu, tướng Leclerc thực hiện ngay kế hoạch phá vỡ vòng vây Sài Gòn và tiến chiếm các tỉnh Nam Bộ. Ngày 25 tháng 10 năm 1945, được quân Anh giúp sức, Pháp tiến đánh Thủ Dầu Một trên ba hướng. Hướng thứ nhất, Pháp kéo quân từ Biên Hòa theo đường Quản Hạp, tiến đánh Tân Khánh và thị xã Thủ Dầu Một, gồm lính bộ binh với 60 xe cơ giới yểm trợ, lực lượng vũ trang kháng chiến không đủ sức ngăn chặn. Do vậy, 9 giờ sáng ngày 25 tháng 10 năm 1945, thị xã Thủ Dầu Một thất thủ.

Cánh quân thứ hai và thứ ba của Pháp tiến quân từ Thủ Đức và Gò Vấp lên Lái Thiêu thì gặp phải sự kháng cự mạnh mẽ của lực lượng vũ trang địa phương. Các trận đánh diễn ra ác liệt tại Gò Dưa, cầu Bến Phân. Hai cánh quân của Pháp bị chặn đứng, không chiếm được Lái Thiêu, phải rút về vị trí xuất phát.

Sau khi chiếm được tỉnh lỵ, quân Pháp được quân đội Nhật giao lại những cứ điểm quân sự như thành Săng Đá (Thành Quan) và một số vị trí quan trọng. Địch chiếm cả khu vực Toà hành chánh tỉnh. Trong vòng một tháng sau đó chúng chiếm đóng tất cả 10 cứ điểm lớn nhỏ trong nội ô và vài nơi ngoại ô thị xã. Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 1945, Pháp từng bước mở rộng cuộc lấn chiếm dần về các quận phía nam, phía bắc tỉnh và tiến sâu vào vùng rừng núi chiếm lại các đồn điền cao su tỉnh Thủ Dầu Một. Ở vùng đồn điền cao su, quân Pháp có quân Anh yểm trợ đã vấp phải sự chống trả mãnh liệt của các lực lượng vũ trang công nhân. Nhiều cuộc chiến đấu đã diễn ra ác liệt, nhiều chiến sĩ vũ trang và tự vệ công nhân đã anh dũng hy sinh trên từng bước tiến công của giặc. Do lực lượng địch quá đông, với vũ khí mạnh, nên các đồn điền cao su và các phòng tuyến chống Pháp trên địa bàn tỉnh đều bị quân Pháp chiếm đóng.

Quá trình tái chiếm Thủ Dầu Một là quá trình giao tranh đẫm máu giữa một bên là quân đội viễn chinh nhà nghề được trang bị vũ khí hiện đại và một bên là lực lượng vũ trang và du kích địa phương chỉ có lòng yêu

nước với gậy gộc, giáo mác, tầm vông vạt nhọn. Nhưng đi đến đâu quân Pháp cũng đều bị bộ đội, du kích và tự vệ công nhân đánh trả quyết liệt đến đó. Do tương quan lực lượng không ngang sức, quân đội viễn chinh Pháp đã đánh chiếm toàn bộ tỉnh lỵ và thiết lập một nền cai trị như trước. Song lực lượng kháng chiến địa phương vẫn bảo tồn lực lượng. Nhiều hoạt động đánh địch vẫn diễn ra liên tục trên khắp địa bàn tỉnh, gây cho địch rất nhiều lúng túng.

Ở thị xã Thủ Dầu Một, sau ngày thất thủ lực lượng vũ trang ban đêm vẫn đột nhập nội ô bắn phá các đồn bót địch, ban ngày rút ra phục kích bọn đi càn. Hai đội vũ trang hoạt động mạnh nhất là đội cảm tử do Nguyễn Văn Long (tự Chùa) và đội trinh thám do Đinh Quang Kỳ chỉ huy, diệt những tên điểm chỉ của địch mà ta phát hiện được.

Trong nội ô, tuy địch kiểm soát ban ngày, nhưng ở vùng Lò Chén, Phú Văn, Bà Lụa vẫn do chính quyền cách mạng làng Phú Cường và các lực lượng bán vũ trang kiểm soát. Tháng 10 năm 1945, một bộ phận thanh niên xung phong thị xã phóng hoả đốt kho chứa mủ cao su ở Phú Thọ (làng Phú Cường), đầu năm 1946 đốt lần thứ 2. Cả 29 nhà chứa mủ cao su chuyển từ Dầu Tiếng về dự trữ đã bị bốc cháy, làm cho địch thiệt hại kinh tế rất nặng nề.

Tại Hớn Quản, tháng 10 năm 1945, đơn vị vũ trang do Doanh Thắng Lung (Đoàn Tấn Long) chỉ huy đóng tại Chơn Thành, chặn đánh một đơn vị địch di chuyển

trên đường 13, tại dốc cầu Cần Đâm thuộc ấp Tàu Ô xã Tân Khai (Hớn Quản), tiêu diệt một xe quân sự. Trong tháng 12, đơn vị vũ trang tập trung huyện Bến Cát đã chặn đánh một toán địch hành quân trên đường gần ga Ông Khương, diệt 5 tên địch, thu 5 súng tiểu liên và súng trường, 2 súng phóng lựu đạn. Sau thắng lợi này, 10 lính Nhật trong một đơn vị gần đó chờ giải giáp đã tự nguyện mang 10 súng (có 1 trung liên) tìm đến xin gia nhập bộ đội ta đánh Pháp. Tiếp đó, bộ đội Hớn Quản đã phục kích một đơn vị địch đang di chuyển trên đường từ Lộc Ninh đi Bù Đốp, tiêu diệt và làm bị thương gần 60 lính, phá hủy một số xe GMC.

Từ cuối năm 1945, tình hình chiến sự ở Nam Bộ càng thêm nóng bỏng sau khi giặc Pháp triển khai hoạt động và chiếm đóng một số tỉnh xung quanh Sài Gòn. Tình hình trên đòi hỏi phải có sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương đối với các tỉnh Nam Bộ, ngày 25 tháng 10 năm 1945, Trung ương tổ chức Hội nghị quan trọng tại Cái Bè (Mỹ Tho) do đồng chí Hoàng Quốc Việt chủ trì. Hội nghị đã bàn và quyết định những nhiệm vụ cấp bách là chấn chỉnh tổ chức, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong từng cấp uỷ Đảng. Trước hết là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang, phát động quần chúng kiên quyết giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, làm thất bại từng bước âm mưu đánh nhanh, giải quyết nhanh của địch.

Tại Thủ Dầu Một, mặc dù ta đã trực tiếp đánh địch nhưng do lực lượng vũ trang còn phân tán, chưa thống

nhất về mặt tổ chức và chỉ huy nên kết quả hoạt động còn nhiều hạn chế. Ngoài các đơn vị do các đảng viên và một số cán bộ ngoài Đảng thực sự yêu nước, thực sự quyết tâm đánh địch giải phóng quê hương, còn một số đơn vị ô hợp, hữu danh vô thực chẳng những không dám đối đầu với địch mà còn những nhiều nhân dân, bất nhân dân phải tiếp tế cho chúng, đồng thời gây nhiều khó khăn cho chính quyền địa phương. Đó là lực lượng Đệ tứ sư đoàn của Lý Hoa Vinh được giao nhiệm vụ chiến đấu tại mặt trận Tham Lương, nhưng Lý Hoa Vinh không chiến đấu mà chặn nguồn tiếp tế lương thực, thực phẩm chuyển từ Hóc Môn đến các mặt trận. Sau đó Lý Hoa Vinh chia quân thành 2 cánh, một đóng tại Lái Thiêu sau chuyển về Bến Cát; cánh thứ 2 đóng tại Núi Cậu (Dầu Tiếng), Lý Hoa Vinh cho quân cướp súng của tự vệ công nhân đồn điền Michelin, bắt công nhân chở của cải cướp được lên núi chôn cất, rồi giết luôn người vận chuyển để giữ bí mật. Khi Pháp đánh chiếm Dầu Tiếng, Lý Hoa Vinh liền ra đầu hàng Pháp. Một bộ phận của lực lượng Bình Xuyên do Ba Nhỏ cùng với Phan Tấn Đạt chỉ huy về xây dựng hậu cứ tại Bình An (Dĩ An), sau đó kéo về Thanh An (Bến Cát). Bộ đội HT 29 từ Sài Gòn rút chạy lên Bến Cát xây dựng căn cứ. Trên đường rút, chúng thổ phỉ hoá ra sức cướp bóc và giết chết những ai chống đối lại chúng bằng cách bỏ người vào bao bố rồi thả trôi sông. Sau đó, một bộ phận lớn bộ đội HT 29 ra đầu hàng Pháp.

Tình hình đó đặt ra cho miền Đông Nam Bộ nói chung và Thủ Dầu Một nói riêng về xây dựng lực lượng

vũ trang cách mạng, đưa lực lượng vũ trang từng bước hoàn thiện nhằm đảm nhiệm sứ mệnh làm nòng cốt trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Pháp.

Tháng 11 năm 1945, đồng chí Nguyễn Bình, đặc phái viên của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà vào miền Nam để xây dựng, thống nhất các lực lượng vũ trang. Tại Thủ dầu Một, được sự giúp đỡ của Tỉnh ủy, ngày 20 tháng 11 năm 1945 đồng chí Nguyễn Bình triệu tập một hội nghị gọi là “Hội nghị quân sự Nam Bộ” tại An Phú xã (quận Lái Thiêu) sau này thường gọi là “Hội nghị An Phú xã”. Tuy nhiên, Hội nghị chỉ có mặt trên 40 đại biểu các đơn vị miền Đông. Hội nghị bàn việc thống nhất lực lượng vũ trang ở Nam Bộ, thống nhất tên gọi, hình thức biên chế Chi đội (đối với lực lượng vũ trang tập trung), phân chia khu vực hoạt động, đề ra những giải pháp tiến hành chiến tranh du kích. Hội nghị nhất trí cử Nguyễn Bình làm Tổng Tư lệnh giải phóng quân Nam Bộ; Vũ Đức (Hoàng Đình Giong) làm chính ủy, Nguyễn Thành Phương (Cao Đài) làm phó Tư lệnh; đồng thời quyết định biên chế các lực lượng vũ trang Nam Bộ thành 25 chi đội. Mỗi chi đội chịu trách nhiệm một tỉnh. Trước mắt thành lập Chi đội 1 ở thủ Dầu Một.

Hội nghị An Phú xã có ý nghĩa tác dụng là bước đầu thống nhất các lực lượng vũ trang tuy trên danh nghĩa, nhưng động viên được tinh thần kháng chiến, củng cố niềm tin của cán bộ, nhân dân Nam Bộ thấy sự quan tâm của Trung ương, của chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Tổ chức biên chế Chi đội 1

Thực hiện nghị quyết Hội nghị An Phú xã, cuối tháng 11-1945, các lực lượng vũ trang trong tỉnh Thủ Dầu Một thống nhất lại thành một chi đội, lấy tên là Chi đội 1 giải phóng quân. Ban Chỉ huy Chi đội gồm: Huỳnh Kim Trương - Chi đội trưởng; Nguyễn Văn Thi, Trịnh Khánh Vàng - Chi đội phó; Vương Anh Tuấn - Chính trị viên Chi đội. Quân số có 800 cán bộ chiến sĩ, trang bị 80 súng trường, 1 súng máy, 10 súng phun lửa, 5 súng lục, 100 lựu đạn, còn lại là dao găm, mã tấu. Đây là lực lượng vũ trang mạnh ở một tỉnh vào thời điểm đó.

a. Ban Chỉ huy Chi đội:

Ban chỉ huy Chi đội 1 gồm có 4 người, thực tế hoạt động chỉ có Huỳnh Kim Trương và Nguyễn Văn Thi. Trịnh Khánh Vàng chưa đến Chi đội lần nào, sau chuyển về Tây Ninh. Vương Anh Tuấn còn quá bận việc ở trường huấn luyện, sau thuyền chuyển đi nơi khác. Chi đội 1 được thành lập ngoài thành phần công nông còn thu hút được nhiều người thuộc thành phần khác như viên chức, tri thức, học sinh tại thị xã và Sài Gòn.

Bộ phận chuyên môn trực thuộc, gồm:

Văn phòng Chi đội 1 và khối hậu cần: do đồng chí Nguyễn Khắc Cần nguyên là nhà giáo dạy trường tư thực Thanh Trước tại thị xã Thủ Dầu Một, trong lực lượng vũ trang Thanh niên Tiền phong được cử làm Chánh văn phòng kiêm phụ trách khối hậu cần Chi đội.

Ban Quân nhu: do đồng chí Hạ Hầu Cẩm - một thanh niên trí thức làm Trưởng ban; đồng chí Lương Văn Minh - thanh niên trí thức, con của Đốc học Lương Văn Phận làm phó ban.

Ban Quân y: do đồng chí Phạm Văn Sở thuộc gia đình nhà thuốc Võ Văn Vân làm Trưởng ban.

Ban Tài chính: do đồng chí Nguyễn Văn Thọ công chức Sở Bưu điện làm Trưởng ban.

Ban Quân giới: do Nguyễn Sanh Nhứt trong Ban chấp hành Thanh niên Tiên phong làm Trưởng ban.

Ban Giao thông liên lạc: do đồng chí Nguyễn Văn Thôi - Trung đội trưởng lực lượng Thanh niên Tiên phong nguyên là thuyền trưởng thời Pháp làm Trưởng ban.

Chi đội 1 được biên chế thành 3 đại đội chiến đấu từ đại đội 1 đến đại đội 3, phân bố trên ba địa bàn các huyện Lái Thiêu, huyện Châu Thành, hai huyện Bến Cát và Hớn Quản. Thành phần các đại đội biên chế như sau:

b. Đại đội 1:

Đại đội 1 gồm các chiến sĩ chiến đấu ở mặt trận cầu Bến Phên, sau khi mặt trận này vỡ rút về bám trụ tại xã An Sơn dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Văn Thi và trở thành lực lượng nòng cốt của đại đội 1. Sau khi Chi đội 1 thành lập, thống nhất, đơn vị này trở thành Đại đội 1. Đại đội 1 chịu trách nhiệm hoạt động vùng Lái Thiêu, An Sơn, Bình Đức... thuộc phía nam Thủ Dầu Một.

Ban chỉ huy Đại đội 1: gồm các đồng chí Hà Ngọc Tiểu (tự Hoàng), đại đội trưởng kiêm chính trị viên đại đội; Nguyễn Trọng Nghĩa (tự Mạnh) - Đại đội phó có biệt hiệu “Thánh đồng đen” sau chuyển về Chi đội 11 Tây Ninh; Phùng Gia Quý đại đội phó là một cựu binh Pháp, có tuổi, hy sinh sớm lúc đầu kháng chiến. Bước sang năm 1946, Ban chỉ huy đại đội 1 có thay đổi: Đinh Văn Cần - Đại đội trưởng, Nguyễn Văn Trinh - đại đội phó và Nguyễn Ngọc Ngoạn - chính trị viên. Đại đội 1 tổ chức thành 2 trung đội chiến đấu A và B, 1 đội trinh sát liên lạc và các Ban quân y, quân lương, quân giới.

Trung đội A: Ban chỉ huy trung đội A gồm các đồng chí: Vũ An Ủy (Trung đội trưởng); Tư Quý (Trung đội phó), hy sinh trong trận tiến công chợ Búng trong dịp kỷ niệm Quốc khánh 1947, sau đồng chí Quản Câu lên thay. Trương Văn Vẻ (chính trị viên), tháng 8 năm 1947 đồng chí chuyển về Ban Tham mưu Chi đội, đồng chí Trần Minh Phú về thay. Quân số của Trung đội có 150 người, lực lượng ban đầu chủ yếu là các chiến sĩ từ Mặt trận cầu Bến Phân về, số còn lại là chiến sĩ quê ở miền Bắc và miền Trung, dù vậy tình đồng chí, đồng đội luôn thấm thiết, chan hoà.

Trung đội B: Ban chỉ huy Trung đội B gồm: Trần Ngọc Lên (Trung đội trưởng), Nguyễn Đình Tự (Chính trị viên). Lực lượng của Trung đội B được tập trung từ các đội du kích, các tay súng lẻ tẻ, trong đó có “bộ đội Tư Hồi”, tiếng tăm lừng lẫy ở chợ Lái Thiêu và các xã Vĩnh Phú, Phú Long, Tân Thới. Ngoài ra, Trung đội B

còn có một số hàng binh đã giúp cho trung đội hoạt động rất tốt trong thời kỳ đầu: một người lính Nhật Bản sử dụng đại liên 7/7 rất hiệu quả, hai lính Pháp là Henri de Forgel và Alain, Henri đã đóng giả sĩ quan Pháp giúp Trung đội lấy bót Phú Hữu ban ngày... Trang bị buổi đầu tuy kém hơn so với Trung đội A, nhưng hoạt động của các chiến sĩ trung đội B rất dũng cảm. Trung đội thường đóng quân ở các vùng du kích, luồn sâu trong lòng địch để đánh địch. Vì vậy, chỉ sau một năm, Trung đội B đã tự trang bị 1 đại liên, 4 trung liên và gần 100 súng trường tốt.

c. Đại đội 2:

Ban chỉ huy đại đội 2 gồm các đồng chí: Đoàn Hữu Hoà - Đại đội trưởng, Lục Sĩ Nam - Đại đội phó, các đồng chí Phùng Gia Quý, Bùi Khánh Ngươn và sau này là đồng chí Trần Phùng đều là đại đội phó.

Lực lượng ban đầu là bộ đội Phú Hoà do Đoàn Hữu Hoà chỉ huy, trong quá trình chiến đấu Đại đội 2 tiếp tục được bổ sung thêm lực lượng của một số đơn vị như: lực lượng cảnh sát của đồng chí Tám Sáng, đồng chí Sương, Tám Cả, Cộng hoà vệ binh, một số cựu binh sĩ của đồng chí Hai Ngươn, bộ đội lò chén của đồng chí Nghiệp, dân quân Đề Thám phần lớn là anh em công nhân cao su. Về sau được tăng cường thêm bộ đội Lục Lâm quân của Tám Liễu, Ba Tiểu chỉ huy (Lực lượng này trước Cách mạng tháng Tám 1945 vốn căm ghét chế độ hà khắc của thực dân phong kiến nên tụ tập ở 2 xã Vĩnh Lợi, Tân Lợi sống bằng nghề trộm cướp. Đến

Cách mạng tháng Tám, lực lượng này được giác ngộ, đứng lên thành lập một đơn vị vũ trang lấy tên là bộ đội Lục Lâm, trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 đã sát cánh cùng nhân dân chiến đấu rất dũng cảm).

Về trang bị vũ khí, ngoài vũ khí thô sơ, đại đội 2 lúc bấy giờ còn có 4 trung liên, 1 đại liên, súng trường thuộc loại khá. Đại đội 2 đóng quân tại rừng Vĩnh Lợi và chịu trách nhiệm hoạt động vùng Châu Thành, thị xã Thủ Dầu Một.

d. Đại đội 3:

Ban chỉ huy đại đội 3 do đồng chí Nguyễn Văn Ngọ (tự Quỳ) làm Đại đội trưởng. Địa bàn hoạt động của đại đội ba là quận Bến Cát và Hớn Quản. Lúc mới thành lập, đại đội 3 gồm lực lượng vũ trang nòng cốt của tỉnh và bộ đội Hớn Quản, Lộc Ninh. Với 3 phân đội và 2 ban công tác là: Ban phá hoại và Ban công tác đặc biệt, quân số tương đối đầy đủ. Về trang bị vũ khí: mỗi phân đội được trang bị ba khẩu súng trường, súng săn cũ với một ít đạn, còn lại là giáo mác, gậy tầm vông, cung, nỏ... Đại đội có 3 phân đội. Phân đội I hoạt động ở nam Bến Cát do đồng chí Nguyễn Văn Sáu làm Trung đội trưởng; Nguyễn Văn Ba (Ba Lò Rèn), làm Trung đội phó. Phân đội II hoạt động ở bắc Bến Cát, do đồng chí Phan Duy Thê làm Trung đội phó. Phân đội III làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ Bến Tượng.

Sau trận hành quân lên An Long, phục kích đánh địch vận chuyển trên đường từ Chơn Thành - Nha Bích

bị lộ (tháng 1-1946), Trung đội III của đại đội 3 bị hy sinh gần hết. Đại đội 3 còn lại phân đội I và phân đội II. Sau đó đại đội 3 được bổ sung thêm lực lượng của Hớn Quản do đồng chí Lê Đức Anh phụ trách với quân số 60 người. Ban Chỉ huy Đại đội lúc này gồm: Nguyễn Văn Ngọ (tự Quỳ, đại đội trưởng), Nguyễn Văn Hội (Đại đội phó), Lê Đức Anh (Chính trị viên). Đại đội có 2 trung đội, Trung đội A do Lê Danh Cát làm đại đội trưởng, Trung đội B do Nguyễn Văn Cẩm làm đại đội phó. Địa bàn hoạt động của Đại đội 3 từ đây gồm cả chiến trường Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp.

*

* *

Sau khi hình thành tổ chức, ngày 25 tháng 12 năm 1945, cuộc mít tinh ra mắt Chi đội 1 được tổ chức long trọng tại chiến khu An Sơn, trong niềm phấn khởi tự hào của đồng bào địa phương và cán bộ, chiến sĩ Chi đội.

Chi đội 1 Giải phóng quân Thủ Dầu Một ra đời ngay khi cuộc kháng chiến vừa nổ ra hơn một tháng là sự kiện quan trọng của nhân dân Thủ Dầu Một. Đây là tổ chức vũ trang cách mạng đầu tiên do Đảng bộ Thủ Dầu Một tổ chức xây dựng sau Cách mạng tháng Tám thành công; là đơn vị được thành lập sớm nhất ở Nam Bộ. Sự thành lập Chi đội có ý nghĩa rất to lớn, đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của các đơn vị bộ đội tập trung. Từ những đơn vị cục bộ phân tán, tiến lên hành lập Chi đội bước đầu được tổ chức chặt chẽ, thống nhất. Chi đội 1 là lượng vũ trang tập trung đầu tiên của Nam Bộ

không những đáp ứng nhiệm vụ chiến đấu tại địa phương mà còn tham gia tích cực vào việc phát triển lực lượng vũ trang chủ lực của tỉnh, của miền Đông Nam Bộ.

Ngay từ khi mới thành lập, Chi đội đã thể hiện được tính tiên phong trong chiến đấu, chủ động đánh địch, đập tan các cuộc hành quân càn quét của địch, bảo vệ nhân dân bảo vệ chính quyền. Hỗ trợ cho các đội tự vệ tác chiến tại chỗ, tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần cùng nhân dân trong tỉnh đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp..

3. Hoạt động xây dựng, chiến đấu và công tác của Chi đội I (11-1945 – 3-1948)

Chi đội 1 Thủ Dầu Một hình thành khi quân xâm lược cơ bản chiếm đóng được các vùng thị xã, thị trấn, đường giao thông quan trọng và bắt đầu càn quét “bình định” vùng nông thôn, các đồn điền cao su rộng lớn của ta. Đơn vị đứng chân chiến đấu trên một chiến trường rộng trải dài từ Lái Thiêu đến các huyện Châu Thành, Tân Uyên, Bến Cát, Dầu Tiếng, các huyện phía bắc có Hớn Quản, Lộc Ninh với 9.859 ki-lô-mét vuông, địa hình vừa có rừng núi, đồng bằng, thành thị, sông rạch chằng chịt, với nhiều đường giao thông quan trọng gồm cả đường bộ, đường thủy, đường sắt. Đây là những yếu tố khảm quan ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình chiến đấu, xây dựng của Chi đội. Tuy nhiên hoạt động của Chi đội 1 cũng có nhiều thuận lợi: cán bộ chiến sĩ am hiểu địa bàn hoạt động, có sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ, lại được nhân dân thương yêu, đùm bọc che chở. Điều quan

trọng hơn Ban chỉ huy Chi đội là những đồng chí lãnh đạo có kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo các lực lượng vũ trang giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám. Ngoài ra trên địa bàn đứng chân của đơn vị có các căn cứ vững chắc như chiến khu Thuận An Hoà, chiến khu An Sơn, chiến khu Long Nguyên... được nhân dân trong các căn cứ sẵn sàng ủng hộ kháng chiến.

Sau khi thống nhất lực lượng giải phóng quân, các cơ quan và Ban chỉ huy Chi đội 1 về đóng căn cứ tại xã An Sơn, quận Lái Thiêu để trực tiếp chỉ huy đơn vị, phân công các đại đội khẩn trương xây dựng phương án phòng thủ khu vực mình phụ trách. Tùy theo khả năng và điều kiện, từng đơn vị tham gia, xây dựng phong trào kháng chiến tại địa phương, phối hợp với tự vệ và các đội du kích địa phương bám đất, chiến đấu, giữ dân, bảo vệ chính quyền.

Tháng 12 năm 1945, đại đội 3 Bến Cát đã tổ chức trận đánh tại cầu xe lửa Ông Khương. Bộ phận trinh sát phân đội 1 đại đội 3 Bến Cát phát hiện có khoảng 200 tên Pháp từ Lai Khê vào Nhíp 27, theo đường xe lửa hành quân xuống chợ Chánh Lưu. Ban chỉ huy phân đội 1 do đồng chí Nguyễn Văn Sáu chỉ huy trưởng, Dương Văn Ba chỉ huy phó quyết định chặn đánh. Lực lượng tham gia trận đánh ngoài phân đội 1 còn một số chiến sĩ của Ủy ban quân sự của đồng chí Bảy Quý cùng bộ phận cứu thương của quận.

Trang bị vũ khí của ta chỉ có 4 khẩu súng trường, 2 khẩu súng săn, 5 khẩu súng lục, còn lại là cung ná,

tâm vòng. Trận địa phục kích được chuẩn bị ở đoạn đường giữa Nhíp 27 và cầu Ông Khương có địa hình thuận lợi, hai bên là bờ dốc cao, lợi thế cho lực lượng của ta tấn công.

Đội hình của địch lọt vào trận địa phục kích, hai chiến sĩ chặn đầu dùng hai khẩu súng săn diệt tên chỉ huy đi đầu làm hiệu lệnh tấn công, tiếp đó các loại súng, cung nỏ của ta tập trung diệt bộ phận đi đầu gồm 5 tên. Quân địch bị đánh bất ngờ, đội hình rối loạn do tấm trận mưa đá xanh của ta, nhiều chiến sĩ xung phong nhảy xuống đường đánh giáp lá cà với địch. Đồng chí Ba Nha, chiến sĩ cứu thương dũng cảm xung phong, bị trúng đạn vào ngực vẫn cố sức ném đá vào kẻ thù. Kết quả trận đánh này ta diệt được 5 tên, thu 1 súng tôm-xông, 2 súng cạc-bin, 2 súng trường, 1 ống nhòm và 1 bản đồ.

Trận Ông Khương tuy nhỏ, nhưng đã có tiếng vang lớn trong toàn Chi đội và tỉnh Thủ Dầu Một, thắng lợi của trận đánh tạo niềm phấn khởi và tin tưởng trong cán bộ, chiến sĩ đại đội. Hình ảnh chiến sĩ Nha chiến đấu dũng cảm, kiên cường và anh dũng hy sinh (người chiến sĩ đầu tiên của đại đội 3 hy sinh trong kháng chiến chống Pháp) là tấm gương tiêu biểu cho lực lượng vũ trang Thủ Dầu Một. Cũng thời gian trên, khi quân Pháp từ Buôn Ma Thuột đánh xuống, lực lượng vũ trang ở Hớn Quản - Lộc Ninh, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Đình Kính, Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Hời đã tổ chức cho bộ đội chặn đánh địch trên đường 14, Bù Nho, Tà Bái, Xóc Xiêm, Bù Đốp, Đắc Kia ngăn chặn hiệu quả các cuộc càn quét của địch. Tại Bù Đốp ta đánh một

trận giao thông nổi tiếng, diệt được 5 xe GMC và hơn 60 tên địch.

Từ cuối năm 1945, trên địa bàn tỉnh thủ Dầu Một, quân đội Pháp xây dựng ngục quyền, ngục quân ở nhiều nơi quan trọng trên quốc lộ 13, các đầu mối giao thông, thị trấn, đồn điền cao su và các làng xã sát với vùng tự do của ta. Chúng xua ngục quân đi càn quét khắp nơi nhằm tiêu diệt lực lượng kháng chiến và tàn sát đồng bào ta. Đi đến đâu chúng triệt phá, giết sạch, đốt sạch, cướp sạch đến đó. Không thể kể hết tội ác dã man của giặc Pháp, chúng bày ra đủ trò khủng bố rừng rợn nhất: chặt đầu những người theo kháng chiến bêu trên những cọc tre, giết người thả trôi sông, hãm hiếp phụ nữ... gây nhiều khó khăn cho hoạt động kháng chiến của nhân dân ta.

Ngày 24 tháng 1 năm 1946, thực dân Pháp huy động một lực lượng lớn tiến công quận lỵ Tân Uyên, nơi đặt cơ quan Khu bộ Khu 7. Cùng ngày, quân Pháp chiếm được Tân Uyên. Bộ đội Thủ Dầu Một rút về Tân Long, Tân Phước, rừng Cò My, Vĩnh Tân, Vĩnh Lợi. Bộ đội Khu 7 rút vào vùng 5 xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An. Cơ quan Khu bộ về đóng ở Giáp Lạc.

Cùng với việc đánh chiếm thị trấn Tân Uyên, thực dân Pháp mở hàng loạt các cuộc càn quét ở khu vực Lái Thiêu, Châu Thành, Dĩ An... Nhiều làng mạc ở Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát bị đánh phá trơ trụi, xơ xác. Không khí khủng bố, chết chóc tràn ngập khắp xóm làng. Chiến khu An Sơn, nơi đóng quân của Ban chỉ huy Chi đội 1 và đại đội 1 thường xuyên bị đánh phá, thiếu lương thực, vũ khí...

Để tránh tổn thất lực lượng, Ban chỉ huy Chi đội quyết định tách thành hai bộ phận: Một bộ phận gồm Ban Tham mưu, Ban liên lạc do đồng chí Nguyễn Văn Thi trực tiếp chỉ huy ở lại bám đất, bám dân, xây dựng lực lượng. Một bộ phận gồm Ban quân y, Ban chính trị, Ban quân nhu, Ban quân giới tạm thời qua xã Bình Tân, Bình Mỹ thuộc tỉnh Gia Định trú đóng. Chi đội còn chủ trương thành lập các ban công tác phụ trách các địa bàn hoạt động như: Ban Công tác số 4, do đồng chí Nguyễn Văn Thi chỉ huy; Ban công tác số 10 do đồng chí Đinh Quang Kỳ chỉ huy thường tổ chức đột nhập về thị xã trừ gian, diệt tề.

Ở huyện, ngoài đơn vị vũ trang tập trung ta cũng thành lập thêm 2 ban công tác gồm: Ban công tác phá hoại và Ban công tác đặc biệt để thực hiện một số công tác đặc biệt trong các thị xã, thị trấn.

Công tác phong trào ở phía bắc (Lộc Ninh, Bù Đốp), Ban chỉ huy Chi đội đã chỉ đạo sát công tác dân tộc. Chi đội đã tổ chức đưa trung đội A bám trụ tại Hớn Quản (vùng đồng bào thiểu số rất nghèo nhưng lại có tinh thần chống Pháp) để xây dựng phong trào. Thời gian đầu, đồng bào ở đây rất dè dặt, không dám tiếp xúc với cán bộ ta. Nắm được tâm tư của đồng bào, các chiến sĩ Chi đội 1 bám sát địa bàn, hàng ngày tìm cách tiếp cận với đồng bào bằng những việc làm thiết thực của mình, dần dần hiểu ra họ đã tìm mọi cách để giúp đỡ cho kháng chiến.



Đến cuối tháng 2 năm 1946, trên chiến trường miền Nam, thực dân Pháp đã chiếm đóng các thành phố, thị xã, vùng kinh tế cao su và đường giao thông quan trọng. Trong tình thế khó khăn đó, ngày 6 tháng 3 năm 1946 Hồ Chủ tịch ký với Pháp hiệp định Sơ bộ. Đó là sách lược “Hoà để tiến”, tạo điều kiện để quân dân Nam Bộ tổ chức củng cố lực lượng đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 11 tháng 3 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ là phải biết tận dụng điều kiện thuận lợi sau Hiệp định Sơ bộ để tăng cường lực lượng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Tuy Hiệp định được ký kết, nhưng chỉ sau 10 ngày, ngày 15 tháng 3, Tướng Pháp Ny-ô, tư lệnh quân Pháp ở Nam Việt Nam tổ chức tiến công càn quét Chiến khu Đ, lực lượng bảo vệ Khu bộ cùng đại đội 3 Chi đội 1 kiên quyết đánh trả, ngăn chặn địch. Nhiều trận chiến đấu quyết liệt đã diễn ra ở Lạc An, Đất Cuốc, Bưng Tre, Suối Voi (Tân Uyên), Bến Súc (khi Khu bộ Khu 7 chuyển về Bến Cát). Nhiều chiến sĩ hy sinh bảo vệ Khu bộ được an toàn. Song song với mở càn lớn vào Chiến khu Đ, một trung đoàn địch ở Dĩ An càn quét vùng Tân Hoá Khánh, An Phú, Thuận Giao, Bình Hoà, Thái Hoà, Chi đội 1 đã tổ chức cho đại đội 2 (Châu Thành) đánh địch ở ấp Hoá Nhựt, sau đó chặn đánh 1 đội địch từ bót Phú Hoà tiến sang, diệt 1 xe cam nhông với 30 tên địch. Ở phía bắc Bến Cát, địch tiến công Long Nguyên, khai thông đường 13 từ Bến Cát

đến Nhà Mát Long Nguyên, Cam Xe, Minh Thanh. Phân đội 2 và ban công tác phá hoại (thuộc đại đội 3 Bến Cát) cùng nhân dân ra sức đánh địch, nhưng không cản nổi bước chân tàn sát của đoàn quân Lê dương.

Sự tăng cường càn quét, đánh phá của địch đã gây cho ta rất nhiều khó khăn. Hoạt động của chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở bị hạn chế. Cơ sở nhân dân bị thu hẹp, nguồn cung cấp lương thực, vũ khí từ trên xuống không có, trong khi đó nguồn cung cấp tại địa phương lại cạn. Bộ đội ta sau những trận chống càn liên tiếp bị tiêu hao cả người và vũ khí, đạn dược, căn cứ đóng quân và địa bàn hoạt động của bộ đội bị thu hẹp. Lực lượng tự vệ các xã bị giảm sút nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, Chi đội 1 và các đại đội chủ trương quay lại vùng địch mới chiếm. Một bộ phận của đại đội 1 và đại đội 2 chuyển xuống vùng Đức Hòa, Bến Lức để xây dựng lực lượng. Các đại đội thuộc Chi đội 1 tổ chức vũ trang tuyên truyền diệt tề trừ gian, tổ chức lại cơ sở quần chúng và tự vệ. Ngoài ra, Ban chỉ huy Chi đội còn lãnh đạo cho bộ đội kết hợp với Quốc gia tự vệ Cuộc cùng cán bộ địa phương đẩy mạnh công tác liên lạc với gia đình, bà con, bạn bè vận động tổ chức lại các đoàn thể cách mạng, tổ chức trừ gian diệt tề, từng bước xây dựng lại cơ sở chính trị trong quần chúng.

Tại thị xã, các chiến sĩ thuộc đại đội 2 vào nội ô trùng trị tên Bôi chỉ điểm. Ở Lái Thiêu, các chiến sĩ Chi đội 1 đột nhập vào chợ thị trấn xử tên Hương quản Thể và tên Do - thư ký quận Lái Thiêu, nhân viên phòng nhì Pháp.

Việc trừng trị những tên Việt gian nguy hiểm, kết hợp với cải tạo, giáo dục đã có tác dụng phá vỡ và làm tê liệt bộ máy tề nguy ở cơ sở. Tề trong thị xã phải làm việc theo mệnh lệnh của ta. Ở Bến Cát, một số tề bỏ việc. Địch không tìm được người làm tề cho quận, xã. Các hoạt động trừ gian phá tề của bộ đội và Quốc gia tự vệ Cuộc đã có tác dụng hạn chế sự đánh phá và chỉ điểm của bọn tay sai đối với phong trào cách mạng ở Thuận An Hòa và vùng căn cứ Tân Long - Vĩnh Lợi. Phát huy thắng lợi, Ban chỉ huy Chi đội 1 chủ trương tổng phá tề trong toàn tỉnh, chỉ trong 1 đêm ta phá được một số ban hội tề ở huyện và xã, thu được 130 súng.

Cùng với những hoạt động về quân sự, ta cũng tăng cường công tác Đảng trong quân đội. Tháng 3 năm 1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận - Đặc phái viên Xứ ủy đến Thủ Dầu Một triệu tập hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh. Hội nghị đã bàn về công tác phát triển Đảng trong quân đội và củng cố lại Tỉnh ủy. Hội nghị đã chỉ định Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Tiết làm Bí thư, đồng chí Văn Công Khai làm Phó bí thư.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho Ban chỉ huy Chi đội 1 lựa chọn số cán bộ, chiến sĩ xuất sắc của Chi đội tuyên truyền, giáo dục để kết nạp vào Đảng. Tỉnh ủy đã tiến hành thành lập Chi đội ủy Chi đội 1 gồm 5 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Bí thư, đồng chí Lê Đức Anh làm Phó bí thư. Chi đội 1 lúc này được Xứ ủy, Khu ủy xác nhận là bộ đội của Đảng.

Việc thành lập Chi đội ủy Chi đội 1 tạo điều kiện

cho công tác đảng, công tác chính trị bắt đầu đi vào nề nếp. Từ đó, các hoạt động quân sự ngày càng có hiệu quả, đặc biệt là đánh địch bằng binh vận, ngụy vận.

Tháng 7 năm 1946, đại đội 2 Chi đội 1 phối hợp với lực lượng Quốc gia tự vệ Cuộc huyện Châu Thành tiến công tiêu diệt bót Định Phước xã Tân Định. Trận đánh thắng lợi làm quân địch hoang mang, tạo cơ sở cho công tác ngụy vận ở Châu Thành và Bến Cát phát triển.

Tháng 8 năm 1946, Trung đội 1 thuộc đại đội 3, có cơ sở nội ứng hỗ trợ đã lợi dụng sơ hở của địch thọc sâu vào thị trấn Hớn Quản, tiến đánh dinh quận trưởng, đồn cảnh sát, nhà bưu điện, nhà ga, trụ sở tề xã Tân Lập, ta đốt trụ sở tề, nhà ga, bưu điện, diệt tên Việt gian Tư Quang và 3 tên lính khác, thu 2 súng.

Ngày 7 tháng 9, phân đội 2 thuộc trung đội 3, đại đội 3 đột nhập thị trấn Chơn Thành diệt tên quận trưởng Hớn Quản cùng một số lính. Trung tuần tháng 9, phân đội 1 thuộc trung đội 1 đại đội 2 (Châu Thành) đánh địch càn quét ở xã Tân Hưng, diệt tên sếp bót Bến Sắn, thu 1 súng ngắn. Ngày 28 tháng 9, phân đội 1, trung đội 3, đại đội 3 (Bến Cát) phục kích tại ga Chòi Bầu diệt tiểu đội Lê dương, thu 1 trung liên, 10 súng trường, và nhiều đạn, lựu đạn.

Nhân lúc bọn tề đang hoang mang, cùng với nhân dân địa phương Ban Chỉ huy Chi đội 1 chỉ đạo lực lượng các đơn vị mở đợt tiến công binh vận trong toàn tỉnh. Kết quả trong đợt này, ta đã vận động được hàng chục

binh lính ngự ở bót Phú Hưng (Bến Cát), bót Massari, thành Săng Đá, Liên đội lính partidăng ở nhà máy nước Bưng Cải... mang súng về với kháng chiến.

*
* *

Từ giữa năm 1946, chiến trường Nam Bộ đang bước vào cuộc kháng chiến với thế ổn định để phát triển thì nảy sinh vấn đề phức tạp cả về chính trị và quân sự: vấn đề Hoà Hảo ở miền Tây và vấn đề Cao Đài ở miền Đông. Đối với Cao Đài miền Đông cũng như với Hoà Hảo miền Tây và với tôn giáo nói chung, chính sách của Đảng và Chính phủ ta là tôn trọng tín ngưỡng, đoàn kết dân tộc, chủ trương dùng biện pháp tuyên truyền, vận động tín đồ, chỉ rõ âm mưu lợi dụng tôn giáo để thực hiện thủ đoạn dùng người Việt đánh người Việt của thực dân Pháp. Nhiều tín đồ Cao Đài nhận ra âm mưu của địch và một số chức sắc phản động, hiểu được chính sách tôn giáo của cách mạng, nhiệt tình ủng hộ kháng chiến. Tuy nhiên, một số chức sắc phản động đội lốt tôn giáo đã cấu kết với thực dân Pháp tổ chức được lực lượng vũ trang Cao Đài. Dưới chiêu bài “Tạm hoà hoãn với Tây để đánh Tây”, lực lượng này từ hoạt động ngầm thủ tiêu người kháng chiến đến công khai chống phá cách mạng, từ Tây Ninh mở ra diện rộng hướng về ven Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn... Thực dân Pháp tuy không hoàn toàn tin Cao Đài, nhưng triệt để lợi dụng Cao Đài tạo phản, tạo lập những khu vực “an ninh”, lấy Tây Ninh làm căn cứ tạo thế dần giành lại chính quyền,

kết hợp với vấn đề Bình Xuyên, với những khu quốc gia giả hiệu ở Gia Định, Bà Rịa... hòng bóp nghẹt mọi hoạt động kháng chiến.

Căn cứ tình hình trên, chủ trương của Khu bộ Khu 7 là: 1. Dẹp cho tan lực lượng và ảnh hưởng phản động nhất ở Tây Ninh và các khu an ninh, khu quốc gia giả hiệu để mở rộng phạm vi kiểm soát của ta. 2. Thanh trừng những phần tử nguy hiểm nhất trong bộ đội để chấn chỉnh và phát triển bộ đội. 3. Kéo những bộ đội còn lừng chừng và dân chúng còn mơ muội khỏi ảnh hưởng phản động và về với ta.

Nắm được ý định của ta, quân phiến loạn kịp thời chuyển hướng về “kế hoạch ba giai đoạn”, cấp tốc kéo quân ra các vị trí tiền đồn của quân Pháp, tìm bắt cán bộ kháng chiến. Trước tình thế mới, Bộ chỉ huy Khu 7 chủ trương một phương án mạnh mẽ mới, ra mệnh lệnh mạnh mẽ hơn về việc “tảo thanh” bọn phản động thâm nhập trong các làng nhiều tín đồ “làm cho dân chúng phân hoá rõ rệt, ai trung thành thì ở lại làng xóm, bọn nào phản động thì phải ra đồn bắt”.

Tháng 4 năm 1947, Xứ ủy Nam Bộ chỉ thị cho Khu 7 và các tỉnh: hết sức bình tĩnh, tranh thủ sự ủng hộ và tham gia kháng chiến của các tín đồ Cao Đài, mặt khác kiên quyết trừng trị những tên manh tâm làm tay sai cho thực dân Pháp, chống lại cuộc kháng chiến. Cùng trong tháng, Tỉnh ủy Gia Định mở Hội nghị tại An Phú Đông, kiểm điểm, rút kinh nghiệm 1 năm xây dựng, củng cố lực lượng trên địa bàn. Riêng vấn đề Cao Đài,

hội nghị chủ trương bắt bọn cầm đầu phản động, cử một số cán bộ, chiến sĩ làm công tác Cao Đài vận, giải thích cho đồng bào hiểu rõ chủ trương của ta, đồng thời vạch trần âm mưu của thực dân Pháp và bọn phản động nhằm gây chia rẽ, phá rối khối đoàn kết dân tộc. Nói chung, ở các tỉnh có Cao Đài, các Tỉnh ủy đều thể hiện quan điểm, chủ trương theo tinh thần trên.

Tuy nhiên, sự chỉ đạo kiên quyết nhưng lại chưa rõ đối tượng, một số cán bộ chỉ huy lại phạm sai lầm. Việc này gây hậu quả nghiêm trọng, trước mắt là ta mất dân, bọn phản động càng có cơ tuyên truyền phản chính sách đoàn kết tôn giáo của Đảng, Chính phủ, Mặt trận. Chúng lôi kéo, tạo được một lực lượng quần chúng, tăng cường bắn giết, cướp bóc... Đã hình thành những “xóm đạo” quanh đồn bót và những vùng trắng như Sa Nhỏ, Đồng Lớn (bắc Hóc Môn), Tân Hiệp, Tân Mỹ, Tân Thạnh Đông, Tân Thạnh Tây... và nhất là Xuân Thới Sơn (nam Hóc Môn).

Đánh giá sai lầm trong tảo thanh Cao Đài, Nghị quyết hội nghị địch nguy vận Nam Bộ nêu rõ: “Đó là thời kỳ ta phạm vào tả khuynh rất nặng nề, chỉ biết đôn đốc dùng quân sự để tảo thanh, không biết dùng quân sự để kêu gọi, thuyết phục, vận động... Cùng với sự kích động mê hoặc, lừa mị của kẻ thù, thời gian đó đã gây nên nhiều sự hiểu lầm, thành kiến trong đồng bào Hoà Hảo và nguy binh Hoà Hảo cũng như Cao Đài”. Trong lời kêu gọi đồng bào Cao Đài ngày 3 tháng 5 năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Trừ một bọn rất ít

dại gian, đồng bào ai cũng có lòng yêu nước. Tuy có một số đồng bào lầm lạc, qua một thời gian những người ấy dần dần giác ngộ quay về với Tổ quốc”.

Khu ủy, tỉnh ủy các tỉnh có đông giáo dân Cao Đài chỉ đạo đưa cán bộ về địa phương giải thích, vận động đồng bào tin đồ để xây dựng lại lòng tin, Các đơn vị vũ trang về xóm ấp xin lỗi, chia buồn với những gia đình có người thân đã mất, sửa sang lại nhà cửa, ruộng vườn cho họ, hướng dẫn họ viết thư hoặc trực tiếp gọi thân nhân còn trong quân ngũ Cao Đài trở về. Phần đông đồng bào nhận ra âm mưu của kẻ thù, thông cảm sự sai lầm nóng vội của ta, từng bước tăng thêm lòng tin đối với kháng chiến, đi theo Cụ Hồ, nhận rõ chân tướng của bọn phản động.

Ở Thủ Dầu Một, một vài địa phương tự động đối phó bằng biện pháp mạnh, song Tỉnh ủy đã chặn đứng kịp thời và chủ trương dùng biện pháp chính trị để giải quyết vấn đề liên quan đến tôn giáo rất nhạy cảm và tế nhị này. Tỉnh ủy đã tổ chức tiếp xúc với các chức sắc Cao Đài, giải thích cặn kẽ âm mưu của địch phá hoại khối đoàn kết dân tộc làm suy yếu lực lượng kháng chiến, khuyên họ nói cho tin đồ biết phải trái, tránh lầm lạc. Đối với các chức sắc, để tránh cho họ khỏi bị giặc Pháp đến mua chuộc và rúng ép làm việc cho chúng, đề nghị đơn vị học tập một thời gian ở Hội đồng Sầm thuộc tỉnh Long An. Gia đình họ và đông đảo tín đồ rất đồng tình trước thái độ chân thành của cán bộ kháng chiến. Số chức sắc đi học một thời gian đều được đưa về gia đình an toàn, một số trở thành cán bộ cách mạng.

Tuy nhiên, thực dân Pháp vẫn lợi dụng lực lượng này, chúng tăng cường trang bị vũ khí cho lực lượng Cao Đài phản động tiến hành càn quét bắn phá khắp nơi. Nhằm ngăn chặn hành động đánh phá của chúng, đồng thời tạo điều kiện đẩy mạnh tác chiến trên các chiến trường, cuối tháng 12 năm 1946 Bộ chỉ huy Quân khu 7 thành lập 4 liên quân nhằm đánh bại lực lượng phản động Cao Đài do quân Pháp tổ chức đang điên cuồng giết hại nhân dân chống lại kháng chiến, hai trung đội thuộc Chi đội 1 tham gia Liên quân B do đồng chí Huỳnh Kim Trương chỉ huy hoạt động ở khu vực Hóc Môn, Trảng Bàng, Đức Hòa. Liên quân B đã cùng với các liên quân hoạt động trên khu vực phụ trách ngăn chặn hành động càn quét và cướp phá của quân đội Cao Đài.

Lúc này, để củng cố cơ quan chỉ huy, Khu 7 điều đồng chí Huỳnh Kim Trương về làm Tham mưu trưởng Quân khu, đồng chí Nguyễn Văn Thi lên làm Chi đội trưởng Chi đội 1, đồng chí Lê Đức Anh làm Chính trị viên chi đội 1 thay đồng chí Vương Anh Tuấn đã hy sinh.

*

* *

Cuối năm 1946, với âm mưu tái chiếm toàn bộ Đông Dương, sau khi đã cơ bản hoàn thành việc đánh chiếm Nam Bộ, quân Pháp tăng cường gây hấn trên chiến trường Bắc Bộ. Đêm 19 rạng ngày 20 tháng 12 năm 1946, quân và dân Hà Nội với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” cùng các thành phố nổ súng

chiến đấu. Toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 20 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị toàn dân kháng chiến. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và chỉ thị của Trung ương, lực lượng vũ trang Chi đội 1 cùng nhân dân Thủ Dầu Một với quyết tâm hy sinh chiến đấu, phối hợp cùng cả nước kháng chiến.

Tại thị xã Thủ Dầu Một, Đại đội 2, Chi đội 1 phối hợp Quốc Vệ đội tiến công trong thị xã gây cho địch nhiều thiệt hại đáng kể. Ở Lái Thiêu, Trung đội A, Trung đội B (đại đội 1) phối hợp với du kích các xã Thuận Giao, An Phú, Bình Hoà, Tân Thới, An Thạnh, An Sơn, Bình Chuẩn...tăng cường hoạt động phục kích, tập kích, chống càn, trừ gian diệt tề... gây cho địch nhiều thiệt hại, tạo niềm tin, phấn khởi trong nhân dân. Từ địa bàn đứng chân ở ba xã Thuận Giao, An Phú, Bình Hoà, lực lượng Trung đội A, Trung đội B của Đại đội 1 (Chi đội 1) mở rộng hoạt động diệt tề, trừ gian, vũ trang tuyên truyền, cùng cán bộ địa phương xây dựng cơ sở, vận động nhân dân cho con em tham gia lực lượng vũ trang, tham gia kháng chiến; giúp đỡ các xã xây dựng đội du kích chiến đấu bảo vệ xóm làng.

Ở vùng cao su, công nhân mở mặt trận phá hoại kinh tế địch, đập chén, đổ mủ, đốt nhà máy. Các đồn bót trong các sở cao su Quản Lợi, Xa trạch, Xa Cát, thị trấn Hớn Quản bị quân ta tập kích. Đường 13, 14 bị đào

phá. Sông Đồng Nai được đóng cọc ngăn sông chặn tàu. Đặc biệt cuối năm 1946, nhờ công tác địch vận tốt, Chi đội 1 đã tổ chức được cơ sở nội ứng trong bót Cao Đài đóng ở thị xã Thủ Dầu Một. Khi quân Cao Đài hành quân càn quét dừng chân đêm tại làng Bình Hoà (Bình Chuẩn), Đại đội 2 Chi đội 1 tổ chức tập kích, tạo điều kiện cho cơ sở nội ứng đưa 20 anh em Cao Đài trở về với cách mạng.

Chiến tranh mở rộng ra cả nước. Bộ chỉ huy Pháp phải điều bớt lực lượng từ Nam Bộ ra Bắc Bộ. Địch ra sức càn quét “bình định”, vơ vét nhân vật lực cung cấp cho mặt trận chính Bắc Bộ. Để đối phó với âm mưu mới của thực dân Pháp, Chi đội 1 đã cùng quân dân Thủ Dầu Một tổ chức chống càn có hiệu quả:

Ngày 18 tháng 1 năm 1947 quân Pháp mở cuộc tiến công vào Chiến khu Đ. Chúng tổ chức nhiều cánh quân đánh vào Tân Tịch, Bình Chánh, Mỹ Lộc. Bộ đội Chi đội 1 và du kích địa phương chặn đánh cánh quân vào Tân Tịch. Lực lượng của đồng chí Chín Quý tiến công một đại đội lính dù, diệt trên 1 tiểu đội, thu vũ khí đạn dược và gần 100 chiếc dù. Ở Bình Chánh, Đại đội 2 - Chi đội 1 cùng du kích chống càn khu vực Phú Chánh, Phú Hữu diệt 1 trung đội, buộc chúng phải quay trở về Phú Hoà.

Cùng thời gian trên địch mở một trận càn lớn vào các xã Bình Chuẩn, Thuận Giao, Phước Lộc do tên thiếu tá Perrot chỉ huy. Đại đội 1 đánh một trận ở bìa rừng Phước Lộc (rừng Cò My) bắn gãy tay tên Perrot, thu được khẩu súng P38 và diệt nhiều tên khác bẻ gãy cuộc

càn. Trận chống càn quyết liệt nhất diễn ra tại ấp Phú Hội, xã Vĩnh Phú (Lái Thiêu). Lực lượng địch khoảng 1000 tên, có 20 xe bọc thép yểm trợ quyết bao vây tiêu diệt lực lượng ta ở lùm càn cứ Phú Hội. Một trung đội của Chi đội 1 kết hợp với một Đại đội Chi đội 6 và đội du kích xã đã nổ súng chống địch quyết liệt từ sáng đến trưa diệt được 198 tên. Bị tổn thất nặng, địch tập trung lực lượng thắt chặt vòng vây. Do lực lượng chênh lệch và thiếu đạn, ta mở mặt trận nghi binh rồi bí mật phá vòng vây vượt sông Sài Gòn rút lui về Hóc Môn. Sau một ngày lùng sục không phát hiện được lực lượng ta, địch phải rút quân.

Tháng 3 năm 1947, Đại đội A phối hợp với lực lượng Chín Quỳ tập kích bất ngờ đồn Đất Cuốc, diệt và bắt sống 1 trung đội lính địch. Địch phải rút hết các đồn còn lại trong chiến khu. Nhân lúc tinh thần địch sa sút, dựa vào cơ sở trong lòng địch, Đại đội 2 cùng du kích xã tập kích diệt bớt Thái Hoà thu trên 30 súng.

Ngoài ra, các đơn vị của Chi đội còn lấy đồn địch bằng mưu trí. Dùng hàng binh Pháp, Đức cải trang làm những tên chỉ huy Pháp, các chiến sĩ ta cải trang thành lính ngự đã hiên ngang vào bót tước vũ khí và giải tán bọn lính ngự chiếm đóng.

Tại Thị xã Thủ Dầu Một, nhờ gây dựng được cơ sở quần chúng ở 2 xã Phú Cường, Chánh Hiệp và trùng trị một số tên tay sai nguy hiểm, Ban công tác Chi đội 1 kết hợp với Quốc vệ đội tổ chức trùng trị một số tên tay sai trong nội ô. Tiểu đội Quốc vệ đội do đồng chí Dương

Văn Bé chỉ huy diệt nửa tiểu đội địch trên đường 13 thu 1 đại liên, 5 súng trường. Quốc vệ đội cùng Ban công tác và lực lượng Châu Thành, dưới sự chỉ huy của đồng chí Dương Văn Sơn, hoá trang làm lính địch chiếm bót Giếng Máy, Chánh Hiệp không nổ một phát súng, thu 3 trung liên, 30 súng trường.

Tám tháng sau, ta đánh bót Giếng Máy lần thứ hai. Ê-min Giéc-manh, tù binh Pháp được ta giác ngộ tham gia bộ đội, hoá trang làm viên quan hai chỉ huy 1 trung đội mặc quân phục Pháp dẫn đội trưởng Dương Văn Sơn hoá trang thành chỉ huy Việt Minh bị bắt, hành quân thẳng vào đồn lúc nội ứng ta đứng gác. Giéc-manh hạ lệnh tập hợp toàn đồn, lính đồn vừa tập hợp xong, Dương Văn Sơn khoát tay, dây trói rơi xuống đất, rút súng ngắn chỉ thẳng vào tên đồn trưởng nguy bắt đầu hàng. Ta thu toàn bộ vũ khí, đạn dược, phóng thích tù binh tại chỗ.

Tại Châu Thành và Lái Thiêu, Đại đội 1 và Đại đội 2 dùng nội ứng, ta lấy gọn tua Cây Me (Thuận Giao), bót Võ Lầu (Phú Long), bót Tương Bình Hiệp, bót Bình Nhâm. Tác động mạnh nhất là trận Phú Hữu giữa ban ngày, đúng vào lúc nội ứng ta đứng gác, lực lượng Chi đội 1 và du kích Phú Mỹ cải trang làm lính địch, có hàng binh Đức đóng vai chỉ huy đột nhập vào bót diệt 2 sĩ quan Pháp, bắt hàng cả trung đội thu toàn bộ vũ khí, đạn dược.

Ở Bến Cát, khi quân Pháp mở cuộc hành quân đánh vào căn cứ Đại đội 3 ở Bến Tượng, trong khi Đại đội đang hoạt động ở Hớn Quản, ngay sau đó Đại đội 3 lập tức

quay về triển khai đánh địch càn quét bảo vệ căn cứ. Trong suốt đợt chống càn, Đại đội 3 bám trận địa đánh địch từ sáng đến chiều bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân. Tiếp đó Đại đội 3 cùng bộ đội Hoàng Thọ dùng chiến thuật “điều hổ ly sơn” đánh đồn Phó Bình (Kiến An). Ta đốt trụ sở tề Kiến An dụ lính Âu - Phi trong đồn ra tiếp cứu, địch kéo ra một trung đội bị Đại đội 3 phục kích tiêu diệt thu 1 trung liên, 20 súng trường. Hai hôm sau, địch hoảng sợ bỏ bót Phó Bình.

Cuộc kháng chiến của Đảng bộ, quân dân Thủ Dầu Một từ giữa năm 1947 đã có những thuận lợi và trên đà phát triển. Trước yêu cầu mới của cuộc kháng chiến, chiến khu Đ được xây dựng thành căn cứ lớn của miền Đông Nam Bộ. Các huyện cũng hình thành các căn cứ kháng chiến như Châu Thành có căn cứ Vĩnh Tân, Vĩnh Lợi. Bến Cát có căn cứ tây nam Bến Cát, phía bắc có căn cứ Long Nguyên, Hớn Quản có căn cứ Tân Khai... Sự ra đời của hàng loạt các căn cứ đã tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang của Thủ Dầu Một có chỗ đứng chân hoạt động chiến đấu. Lúc này Sở chỉ huy Chi đội 1, đại đội 1 (phụ trách địa bàn Lái Thiêu) đóng quân tại căn cứ ở Thuận An Hoà. Tại đây, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân xây dựng lán trại, kho tàng, nhà làm việc, nhà nghỉ, trạm xá, công sự chiến đấu và tổ chức canh gác, bố phòng, tăng gia sản xuất để tự cung tự cấp, cung ứng lương thực. Mặc dù vật chất còn nhiều thiếu thốn, nhưng cuộc sống hàng ngày ở trong chiến khu vẫn đầy ắp tiếng cười và tiếng hát. Hàng đêm trong từng xóm

ấp, thanh niên nam nữ tập trung sinh hoạt học tập, tổ chức văn nghệ, hát những bài ca kháng chiến. Từ trong căn cứ Thuận An Hoà, tiếng hát của Quốc Hương - cán bộ trung đội phó của Chi đội 1, thiết tha, hùng tráng vang lên với những bài ca cách mạng, ca ngợi tình quân dân kháng chiến đã thu hút đông đảo đồng bào trong vùng căn cứ và vùng địch tạm chiếm. Tiếng hát của Anh có sức kêu gọi, động viên, cổ vũ rất lớn tinh thần yêu nước, yêu quê hương, thắp sáng niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và tiếp thêm sức mạnh cho cán bộ, chiến sĩ Chi đội 1 trong những lúc khó khăn, gian khổ. Căn cứ Thuận An Hoà cũng là nơi nuôi dưỡng tài năng Nguyễn Ngọc Tấn (sau này là nhà văn Nguyễn Thi), một cán bộ tiểu đội phó trung đội A, đại đội 1 của Chi đội 1. Những ngày sống chiến đấu ở Chi đội 1 tại Thuận An Hoà, Nguyễn Ngọc Tấn say sưa làm bích báo in bằng đất sét. Các bài báo của anh ca ngợi cán bộ, chiến sĩ đại đội 1 đánh giặc lập công và ca ngợi tình cảm quân dân cả nước tại chiến trường Lái Thiêu.

Cuối mùa thu năm 1947, thực dân Pháp tiến công căn cứ Việt Bắc, nhằm tiêu diệt chủ lực và cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến. Năm được âm mưu địch, ngày 15 tháng 9 năm 1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Sửa soạn phá những cuộc tiến công lớn của địch". Ngày 7 tháng 10, cuộc tiến quân lớn của quân Pháp do tướng Sa-lăng chỉ huy bắt đầu đánh lên Việt Bắc, căn cứ kháng chiến của Chính phủ ta.

10 Bộ Tư lệnh Khu 7 nhận được lệnh của bộ chỉ huy

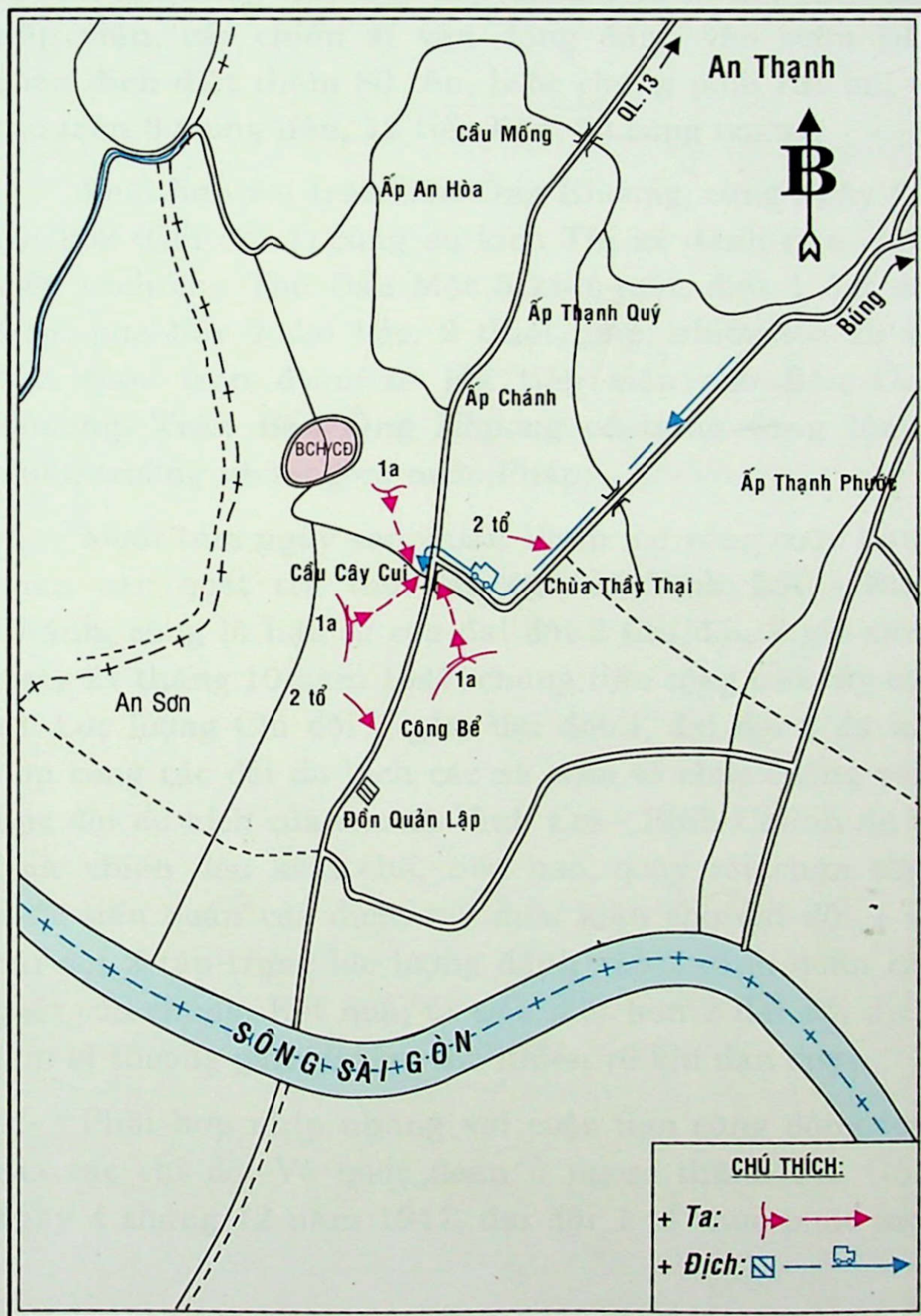
“Các khu đánh mạnh để phối hợp với Việt Bắc”. Đảng bộ và quân dân Thủ Dầu Một nhận thức đây không chỉ là mệnh lệnh của cấp trên mà còn là tiếng gọi của Tổ quốc trước thử thách.

Chấp hành mệnh lệnh trên, lực lượng vũ trang Chi đội 1 cùng lực lượng vũ trang địa phương đã tổ chức một loạt trận giao thông chiến, “kinh tế chiến” để phối hợp với chiến trường chung.

Công nhân các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Phước Hoà mở chiến dịch phá hoại cả chục ngàn ha cao su: vạt vổ, đổ mủ, đập chén, đốt kho, phá nhà máy. Ban chỉ huy Chi đội 1 tập trung lực lượng toàn Chi đội mở một loạt trận giao thông chiến trên khắp các chiến trường trong tỉnh. Trận đánh giao thông trên đường 14 tại ấp Bưng Còng (Thanh Tuyên) trong tháng 8 diệt đoàn xe địch vận chuyển cao su từ Dầu Tiếng về Sài Gòn. Lần khác ta phục kích đánh đoàn xe trên đường đi Phú Riêng bằng Ba-zô-min do ta chế tạo, trong đó trận đánh ở Bến Ông Khương là trận đạt hiệu quả cao nhất. Ngày 3 tháng 10 năm 1947 năm chặc 3 đoàn xe lửa có hộ tống chạy từ Sài Gòn qua Thủ Dầu Một lên Lộc Ninh (mỗi đoàn cách nhau 15 phút), lực lượng Chi đội 1 tổ chức trận phục kích ở khu vực Nhíp 27. Để cho đoàn tàu thứ nhất và thứ hai đi qua, các chiến sĩ cho nổ mìn đúng toa thứ 5. Đoàn tàu bị đứt làm đôi. Đầu máy trật đường ray bị hư hại nặng. Từ hai bên, bộ đội ta lập tức ném lựu đạn, xung phong tiêu diệt hoàn toàn đoàn tàu và 2 tiểu đội địch hộ tống, thụ 1 trung liên, 15 súng trường và

TRẬN PHỤC KÍCH CẦU CÂY CUI, XÃ AN SƠN, LÁI THIÊU, THỦ DẦU MỘT CỦA TRUNG ĐỘI A, ĐẠI ĐỘI 1/ CHI ĐỘI 1

(Ngày 12 tháng 07 năm 1947)



tiểu liên, 1 thùng lựu đạn, hơn 10.000 viên đạn và toàn bộ hàng hoá trên 8 toa tàu. Bên ta 2 chiến sĩ hy sinh, 3 bị thương. Cùng lúc, một tiểu đoàn địch từ Lai Khê đến tiếp viện, các chiến sĩ vận động đánh vào sườn tiểu đoàn địch diệt thêm 80 tên, buộc chúng phải rút lui, ta thu trên 3 trung liên, 12 tiểu liên, 23 súng trường.

Phối hợp với trận Bến Ông Khương, cùng ngày đại đội 902 (Chi đội 1) cùng du kích Thị xã đánh mìn chặn viện cách chợ Thủ Dầu Một 5 ki-lô-mét, diệt 1 đại đội địch, phá hủy 2 đại bác, 2 thiết giáp, nhiều toa xe và đạn dược trên đoàn xe lửa tiếp viện cho Bến Ông Khương. Trận Bến Ông Khương có tiếng vang lớn ở chiến trường và sang cả nước Pháp.

Mười tám ngày sau, quân Pháp mở rộng cuộc hành quân càn quét trả thù vào căn cứ Vĩnh Lợi - Bình Chánh, cũng là hậu cứ của đại đội 2 Chi đội, 7 giờ sáng ngày 21 tháng 10 năm 1947, chúng tiến công bao vây căn cứ. Lực lượng Chi đội 1 gồm đại đội 1, đại đội 2 đã kết hợp cùng các đội du kích các xã trên tổ chức chống càn. Các đội du kích của các xã Vĩnh Lợi - Bình Chánh đã tổ chức chiến đấu kèm chế, tiêu hao, quấy rối chặn từng bước tiến quân của địch, tạo điều kiện cho đại đội 1 và đại đội 2 tập trung lực lượng đánh vào 2 cánh quân càn quét của chúng. Kết quả, ta tiêu diệt hơn 2 đại đội địch, làm bị thương gần 70 tên, thu nhiều vũ khí đạn dược.

Phối hợp nhịp nhàng với cuộc tiến công đồng loạt của các chi đội Vệ quốc đoàn ở ngoại thành Sài Gòn, ngày 4 tháng 12 năm 1947, đại đội 1 tổ chức phục kích

một đoàn xe quân sự của Pháp trên Quốc lộ 13 giữa Phú Văn và Búng. Ta phá hỏng 3 xe thiết giáp bánh cao su, 2 xe vận tải, 1 xe Jeep, loại khỏi vòng chiến đấu 18 tên.

Kỷ niệm tròn một năm toàn quốc kháng chiến, ngày 17 tháng 12 năm 1947, Chi đội 1 và Chi đội 10 phối hợp với lực lượng du kích địa phương tổ chức đánh một đoàn xe địch ở Đồng Xoài trên Quốc lộ 14, kết quả ta tiêu hủy 1 xe chở xăng, 9 xe GMC chở lính, diệt 60 tên, bắt nhiều tên trong đó có 11 lái xe, thu 2 trung liên, 19 tiểu liên và súng trường, 1 máy vô tuyến điện. Trong trận này lần đầu tiên ta sử dụng Ba-zô-min do xưởng quân giới mới sáng chế để diệt xe tăng nhưng do lượng thuốc không đủ nên không đạt hiệu quả.

Trong cuộc chiến đấu chia lửa với các chiến sĩ căn cứ địa Việt Bắc, ngoài việc mở các trận đánh giao thông chiến lớn và chống càn thắng lợi, Chi đội 1 đã tổ chức tiêu diệt “chiến khu ma” Bình Quới Tây cuối năm 1947 thắng lợi.

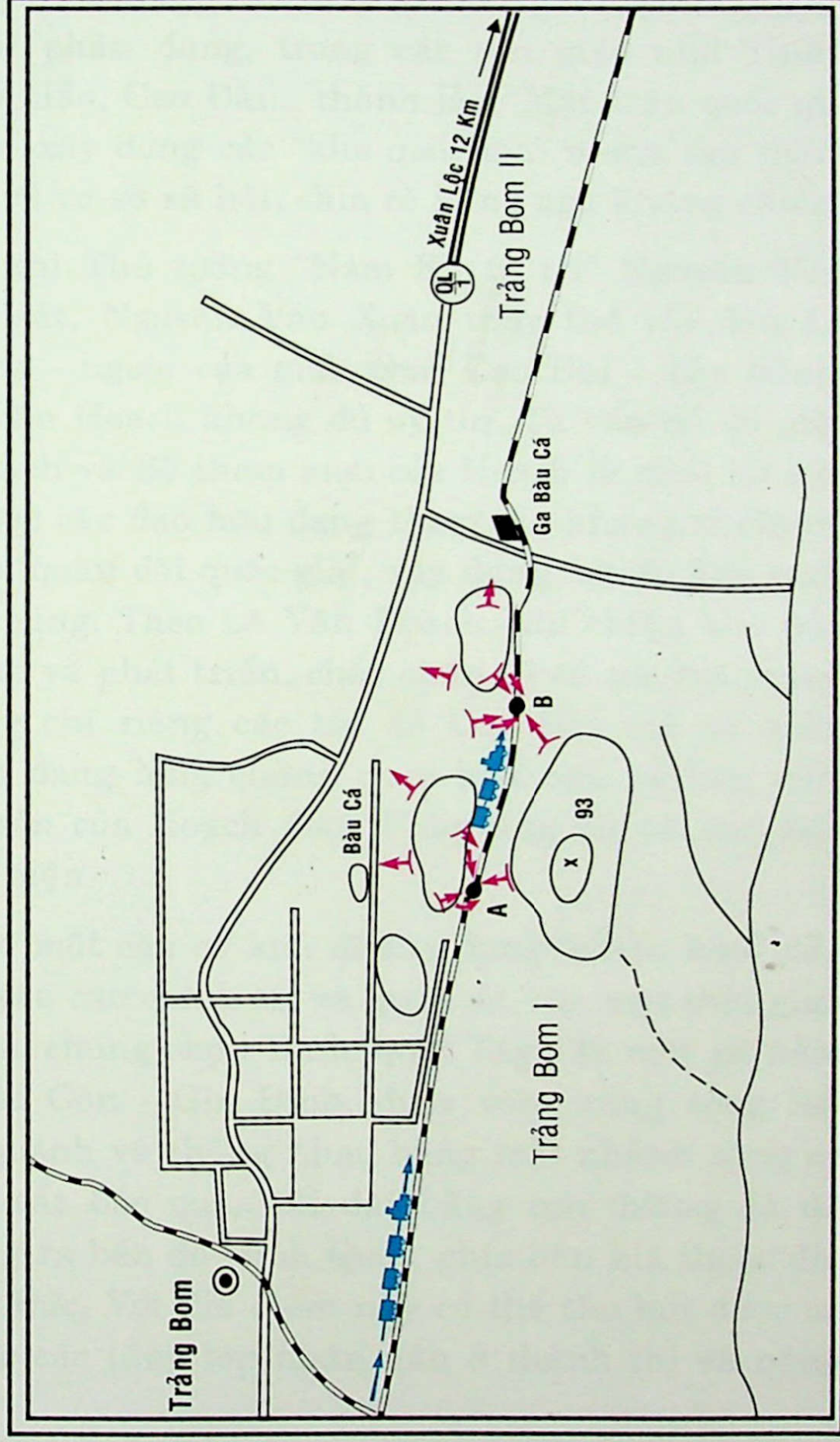
*

* *

Sau thất bại ở chiến dịch Thu - Đông năm 1947, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh, sang đánh kéo dài, trong đó Nam Bộ được coi là vùng trọng điểm phải bình định nhanh để biến thành nơi dự trữ chiến lược cho cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương với âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

TRẬN PHỤC KÍCH GIAO THÔNG TẠI BÀU CÁ (TRẮNG BOM, CHÂU THÀNH, THỦ BIÊN) CỦA CHI ĐỘI 10 VÀ BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG/ CHÂU THÀNH

(Ngày 14 tháng 07 năm 1947)



Để phục vụ cho mưu đồ trên, thực dân Pháp ra sức tuyên truyền, lừa bịp, thu hút lực lượng trong các nhóm đảng phái phản động, trong các tôn giáo như Thiên chúa, Hoà Hảo, Cao Đài... thành lập “Mặt trận quốc gia Liên hiệp” xây dựng các “khu quốc gia” nhằm tạo thêm lực lượng và cơ sở xã hội, chia rẽ hàng ngũ kháng chiến.

Sau khi Thủ tướng “Nam Kỳ tự trị” Nguyễn Văn Thỉnh tự sát, Nguyễn Văn Xuân thay thế rồi đến Lê Văn Hoạch - người của giáo phái Cao Đài - Tây Ninh, song Lê Văn Hoạch không đủ uy tín. Từ vấn đề đó, đặt ra cho Hoạch và Bộ tham mưu của Hoạch là phải lôi kéo cho kỳ được các đạo hữu đang tham gia kháng chiến để thành lập “quân đội quốc gia”, xây dựng “chiến khu quốc gia” của chúng. Theo Lê Văn Hoạch, khi chiến khu này hình thành và phát triển, chắc chắn sẽ có sức hút mạnh mẽ, không chỉ riêng các tín đồ Cao Đài mà cả quần chúng còn đang lừng chừng chưa biết ngã về bên nào. Mưu đồ trên của Hoạch được Pháp ủng hộ và tạo điều kiện thực hiện.

Để có một căn cứ khả dĩ xây dựng “chiến khu” đáp ứng được yêu cầu chính trị và quân sự, sau một thời gian nghiên cứu, chúng chọn Bình Quới Tây - là một xã nằm ven đô Sài Gòn - Gia Định, được vòng cung sông Sài Gòn bao quanh và thông nhau bằng một nhánh sông có chiếc cầu sắt bắc qua, nối dài bằng con đường đá đỏ chạy thẳng ra bến đò Bình Quới, phía bên kia thuộc địa phận Thủ Đức. Với địa điểm này có thể thu hút được sự chú ý được các tầng lớp nhân dân ở thành thị và nông

thôn, vừa có điều kiện phòng thủ vững chắc vừa cơ động được dễ dàng.

Để xây dựng “chiến khu quốc gia”, chúng điều về đây một đại đội lính Cao Đài Tây Ninh, 5 súng máy, 1 khẩu cối 60 ly, hàng trăm súng trường và tiểu liên loại tốt. Tại cầu sắt, chúng bố trí một tháp canh với một bán đội canh giữ, trang bị 5 súng máy. Ngoài nhiệm vụ phòng thủ, lính gác tháp canh còn canh giữ một ống dẫn nước từ bên ngoài đưa vào khu vực này. Khi nào chúng mở vòi, người Bình Quới mới có thể lấy nước sạch để dùng. Bến đò Bình Quới cũng đặt một chốt gác thường xuyên. Bên trong là khu doanh trại phòng tuyến của lính, một nhà giam và khu gia binh. Xung quanh khu vực này địa hình sinh lầy, trổng trái, lác đác mấy xóm nhà dân ở ven sông. Để “chiến khu” được hấp dẫn, chúng dự kiến sẽ xây dựng một khu phố có cả chợ và trường học... Biển Bình Quới Tây thành một ốc đảo hết sức an toàn. Ngoài đánh vào nhất thiết phải vượt qua những khoảng sân rộng, hành quân bộ thì chỉ vận động theo một con đường độc đạo có chiếc cầu sắt được canh giữ cẩn mật. Mặt khác, khi quân vào cũng như khi quay ra phải vượt qua hơn chục cây số dày đặc đồn bót.

Sau một thời gian trinh sát, nghiên cứu, cân nhắc kỹ càng. Ban Chỉ huy Chi đội 1 đề ra phương án tiến công “Chiến khu quốc gia” bằng cách tương kế tựu kế: đưa lực lượng của ta vào hàng ngũ địch làm nội ứng để tiêu diệt căn cứ Bình Quới Tây. Với phương châm “ém lâu, ở lâu chờ thời cơ diệt địch”, từ tháng 3 năm 1947

đến tháng 5 năm 1947, ta đã đưa vào hàng ngũ địch hơn 100 người gồm: tín đồ, bộ đội, biệt động với hơn 20 đảng viên, có cán bộ chỉ huy, trinh sát, giao liên và đầy đủ các bộ phận phục vụ khác, một số cán bộ, du kích thuộc các xã căn cứ Thuận An Hoà và đồng chí Hoàng Cửa (Ba Cửa) - Trưởng ban quân báo của Chi đội 1 vào "Ban chỉ huy" giữ chức "Tham mưu trưởng chiến khu quốc gia", hiệp đồng tác chiến với Chi đội 1 ở bên ngoài cùng đánh tiêu diệt gọn quân địch.

Lực lượng trong "chiến khu quốc gia" quân số có 1 tiểu đoàn, biên chế tổ chức hình thành hai nhóm mang tính địa phương rõ rệt: Nhóm Tây Ninh - giáo phái phản động Cao Đài của Lê Văn Hoạch và nhóm Thủ Dầu Một (du kích của ta). Kế hoạch tác chiến của ta như sau: hiệp đồng giữa lực lượng nội ứng và lực lượng bên ngoài, khi có thời cơ, lực lượng nội ứng bên trong nổ súng diệt địch kết hợp với lực lượng bố trí bên ngoài (1 trung đội của Chi đội 1) bên sông Sài Gòn đối diện Bình Quới Tây sẵn sàng hỗ trợ cho lực lượng nội ứng, đồng thời sẵn sàng đánh quân địch ứng cứu trên đường sông, và bảo vệ quân ta rút về hậu cứ an toàn. Ta tổ chức huy động các thuyền (ghe) của nhân dân ém sẵn bên sông để chuyên chở bộ đội, du kích và vũ khí qua phía bắc sông Sài Gòn về hậu cứ. Đồng thời hiệp đồng với Chi đội 6 để nhận và đưa tù binh, hàng binh về phía sau. Ngày 3 tháng 12 năm 1947, đồng chí Nguyễn Văn Thi nhận được lệnh phải tiêu diệt gấp "chiến khu quốc gia" Bình Quới Tây.

Ngày 6 tháng 12 năm 1947, đồng chí Nguyễn Văn Thi triệu tập một cuộc họp tại một khách sạn ở trung tâm Chợ Lớn gồm đồng chí Hoàng Cửa “Tham mưu trưởng Bình Quới Tây”, đồng chí Bảy Thanh cán bộ tham mưu, đồng chí Xuân Ty, Mười Tài để phổ biến quyết tâm của Ban chỉ huy Chi đội 1. Cuộc họp đã thống nhất kế hoạch tác chiến.

Theo hợp đồng tác chiến, 16 giờ ngày 10 tháng 12 năm 1947, Ban chỉ huy “chiến khu” tổ chức đá bóng giao hữu giữa hai đội Tây Ninh và Thủ Dầu Một. Một số sĩ quan trong Ban chỉ huy và đông đảo binh sĩ đi xem cổ vũ cho hai đội. Súng đội nào thì giá ở sân đội đó (Đại đội Tây Ninh được trang bị súng nhiều và tốt hơn). Khi hiệp 1 kết thúc, lúc 16 giờ 45 phút, hai bên đổi sân cũng là lực lượng ta đổi chỗ về gần Ban chỉ huy và chỗ giá súng của đội Tây Ninh (bên phía sân đội Thủ Dầu Một). Lúc này, ngay tại Sở chỉ huy, tham mưu trưởng Hoàng Cửa đang mở tiệc chiêu đãi 5 tên trong Ban tham mưu Bình Quới Tây, có sự tham gia của cán sự tham mưu Bảy Thanh. Khi hiệp 2 của trận đấu bắt đầu, theo kế hoạch, đồng chí Ba Cửa - tham mưu trưởng “chiến khu quốc gia” và đồng chí Bảy Thanh dùng súng ngắn bắn chết 3 tên trong Ban chỉ huy và 2 sĩ quan tham mưu làm phát lệnh nổ súng tấn công. Các chiến sĩ đại đội Thủ Dầu Một nhanh chóng chạy đến giá súng của đại đội Tây Ninh đoạt lấy súng, bắt số sĩ quan và binh lính của đại đội Tây Ninh.

Trận đánh diễn ra trong 15 phút, ta làm chủ

“chiến khu quốc gia”, thu toàn bộ vũ khí, đạn dược và nhiều quân trang quân dụng. Số tù binh và nhân viên nguy quyền địch, ta tuyên truyền đường lối chính sách của Mặt trận Việt Minh, sau đó đưa về vị trí quy định đã hiệp đồng với Chi đội 6 để rút về phía sau.

Theo kế hoạch hiệp đồng, các ghe xuồng ta huy động của nhân dân đã nhanh chóng tập kết đúng thời gian đưa cán bộ và chiến sĩ ta qua sông Sài Gòn, sau đó bộ đội ta cắt đường vượt qua các trạm gác, đồn bót của địch về hậu cứ an toàn.

Trận Bình Quới Tây đã tiêu diệt và làm tan rã 1 tiểu đoàn địch, phá tan “chiến khu quốc gia” Bình Quới Tây, diệt 5 sĩ quan nguy, thu toàn bộ vũ khí (81 khẩu súng) và nhiều đồ dùng quân sự.

Chiến thắng Bình Quới Tây đã đập tan tổ chức phản động “Mặt trận quốc gia liên hiệp” do Pháp dựng nên là chiến công của quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ban chỉ huy Chi đội 1. Sự dũng cảm, mưu trí của cán bộ, chiến sĩ Chi đội 1, quân dân du kích Thuận An Hoà cùng các đơn vị hiệp đồng tham gia chiến đấu. Với chiến thắng này ta đã làm thất bại âm mưu thành lập cái gọi là “Nam Kỳ tự trị” do thực dân Pháp lôi kéo bọn phản động trong các tôn giáo làm hậu thuẫn cho chúng. Trận Bình Quới Tây là trận đánh hiệu suất chiến đấu cao, có tiếng vang lớn của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ ở thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Ban chỉ huy Chi đội 1 đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội diệt địch, nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của